ĐẢNG BỘ KHỐI CƠ QUAN VÀ DOANH NGHIỆP TỈNH

**ĐẢNG ỦY SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**\*\*\***

**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

*An Giang, tháng 7 năm 2024*

**Mục lục**

[CHƯƠNG TRÌNH 3](#_Toc172037003)

[BÁO CÁO 5](#_Toc172037004)

[Tình hình thực hiện Nghị quyết Đảng bộ Sở Thông tin và Truyền thông 5](#_Toc172037005)

[06 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2024 5](#_Toc172037006)

[I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 5](#_Toc172037007)

[BÁO CÁO 17](#_Toc172037008)

[Kết quả hoạt động ngành thông tin và truyền thông 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 17](#_Toc172037009)

[I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 17](#_Toc172037010)

[II. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 25](#_Toc172037011)

[1. Nội dung bài tham luận Phòng Kế hoạch – Tài chính 30](#_Toc172037012)

[Công tác hướng dẫn các xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu về thông tin và truyền thông; những khó khăn, giải pháp trong thời gian tới 30](#_Toc172037013)

[2. Nội dung bài tham luận Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản 33](#_Toc172037014)

[Công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội, 33](#_Toc172037015)

[những khó khăn, thách thức và giải pháp 33](#_Toc172037016)

[3. Nội dung bài tham luận Thanh tra 38](#_Toc172037017)

[Tham mưu thành lập Trung tâm xử lý tin giả tỉnh An Giang 38](#_Toc172037018)

[Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) 43](#_Toc172037019)

[hỗ trợ công tác giám định tư pháp theo vụ việc 43](#_Toc172037020)

[4. Nội dung bài tham luận Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông 45](#_Toc172037021)

[Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vựcXây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang năm 2024 45](#_Toc172037022)

[Giải pháp và lộ trình dừng công nghệ di động 2G trên địa bàn tỉnh An Giang 51](#_Toc172037023)

[Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên 53](#_Toc172037024)

[địa bàn tỉnh An Giang 53](#_Toc172037025)

[Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vựcXây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang năm 2024 56](#_Toc172037026)

[5. Nội dung bài tham luận Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền 61](#_Toc172037027)

[Hạ tầng trung tâm dữ liệu phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang Triển khai hệ thống thông tin điều hành cấp Phường/xã hướng đến xã Nông thôn mới thông minh Thoại Giang. 61](#_Toc172037028)

[6. Nội dung bài tham luận Văn phòng 62](#_Toc172037029)

[Triển khai những điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 62](#_Toc172037030)

# CHƯƠNG TRÌNH

**HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

- Thời gian: 07 giờ 30 ngày 17/7/2024

- Địa điểm: Hội trường Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì Hội nghị: Ban Thường vụ Đảng ủy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Thời gian | Nội dung | Thực hiện |
| 1 | 7h30 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Đảng ủy viên, Chánh Văn phòng Sở |
| 2 | 7h35 | Trình chiếu Clip báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác Đảng, chính quyền 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 | Phó Chánh Văn phòng |
| 3 | 7h50 | Báo cáo tình hình thực hiện sử dụng kinh phí 6 tháng đầu năm 2024 | Kế toán trưởng |
| 4 | 8h | Thảo luận, trao đổi của các đơn vị về hoạt động thông tin, truyền thông | - Điều hành: Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Lê Quốc Cường.  - Các đại biểu dự hội nghị |
| 5 | 8h30 | **- Điều hành báo cáo tham luận**  - Tham luận và triển khai, giới thiệu các văn bản:  1. Tham luậnvề công tác hướng dẫn các xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu về thông tin và truyền thông; những khó khăn, giải pháp trong thời gian tới  2. Tham luận về công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội, những khó khăn, thách thức và giải pháp  3.Tham luận về công tác thanh tra, kiểm tra 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm"  4. Tham luận Giải pháp cải tiến chỉ số PAR index của tỉnh do Sở TTTT phụ trách  5. Tham luận về Hạ tầng trung tâm dữ liệu phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang Triển khai hệ thống thông tin điều hành cấp Phường/xã hướng đến xã Nông thôn mới thông minh Thoại Giang.    6. Triển khai những điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 | - Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở  - Chi bộ 1, Phòng KH-TC  - Chi bộ 2, Phòng TT-BC-XB  - Chi bộ 1, Thanh tra  - Chi bộ 2, Phòng CNTT-BC-VT  - Chi bộ 3, Trung tâm CNTT-TT  - Chi bộ 1, Văn phòng |
| 6 | 9h45 | Giải lao |  |
| 7 | 10h | Trao đổi, thảo luận | - Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở Lê Quốc Cường điều hành.  - Các đại biểu dự hội nghị |
| 8 | 10h30 | Phát biểu chỉ đạo của lãnh đạo  Đảng ủy Khối | Đảng ủy Khối |
| 9 | 10h45 | Phát biểu chỉ đạo và kết luận hội nghị | Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở |
| 10 | 11h | Kết thúc hội nghị |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ KHỐI CƠ QUAN VÀ  DOANH NGHIỆP TỈNH  **ĐẢNG BỘ SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  **\***  Số: 10-BC/ĐU | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  *An Giang, ngày 24 tháng 6 năm 2024* |

# BÁO CÁO

# Tình hình thực hiện Nghị quyết Đảng bộ Sở Thông tin và Truyền thông

# 06 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2024

## I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

**1. Kết quả hoạt động nổi bật 6 tháng đầu năm 2024**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Sở đã triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông đối với các nhiệm vụ, sự kiện chính trị của tỉnh, nổi bật như: tuyên truyền Lễ công bố Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Truyền thông Lễ thông xe cầu Châu Đốc; Truyền thông lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam năm 2024; Lễ Khánh thành Dự án Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Long Xuyên trước, trong và sau sự kiện.

Tổ chức thành công: Hội nghị sơ kết Kế hoạch phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh; Tổng kết Chuyển đổi số năm 2023 và sơ kết 02 năm thực hiện Đề án 06, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Tổng kết hoạt động ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Họp mặt báo chí mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024; Họp mặt kỷ niệm 99 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 - 21/6/2024); …

Ký kết Biên bản ghi nhớ phối hợp triển khai hỗ trợ nông dân chuyển đổi số giai đoạn 2023 – 2025 với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hội Nông dân tỉnh.

**2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị**

**2.1. Về Thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở**

Triển khai tốt công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực: báo chí; thông tin đối ngoại; thông tin cơ sở; phát thanh – truyền hình; thông tin điện tử; xuất bản – in – phát hành. Tổ chức tốt việc quản lý thông tin trên môi trường mạng, trên báo chí; kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý nhanh chóng các thông tin không chính xác gây hoang mạng dư luận, lập lại trật tự. Kịp thời chỉ đạo, định hướng công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong, ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuyên truyền, giới thiệu quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, các chính sách, văn bản chỉ đạo tuyên truyền, như: Lễ công bố Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Lễ thông xe cầu Châu Đốc thuộc dự án xây dựng tuyến đường liên kết vùng đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp; Lễ khánh thành dự án Tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam năm 2024 kết hợp kỷ niệm 10 năm Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (2014-2024).

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch[[1]](#footnote-1) tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam trên địa bàn tỉnh An Giang lần thứ ba năm 2024.

Quyết định Đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách sản xuất Chương trình truyền hình tỉnh An Giang năm 2024

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại tỉnh An Giang năm 2024[[2]](#footnote-2); Kế hoạch truyền thông về quyền con người năm 2023 – 2028 (Theo Quyết định số 1079/QĐ-TTg phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028)[[3]](#footnote-3); Tham mưu UBND tỉnh Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm Thông tin điện tử công cộng tại khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang.

**2.2. Về Bưu chính, Viễn thông tần số vô tuyến điện:**

Các doanh nghiệp bưu chính đảm bảo thời gian mở, đóng cửa tại các điểm giao dịch; chuyển phát nhanh chóng, kịp thời báo chí, bưu phẩm, bưu kiện, thư, không để tồn đọng; Các doanh nghiệp viễn thông tổ chức thực hiện các phương án bảo vệ an toàn mạng lưới thông tin liên lạc và internet, bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thông suốt, an toàn và đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Không để xảy ra tình trạng nghẽn mạch của các mạng viễn thông.

Phối hợp cùng Điện lực tỉnh An Giang, các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh họp trao đổi góp ý dự thảo Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; xử lý, khắc phục mạng cáp viễn thông gây mất cảnh quan, an toàn giao thông, bức xúc của người dân (tuyến đường Trần Quý Khoáng, phường Đông Xuyên, TP Long Xuyên).

**2.3. Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT):** Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan để hoàn thành tạo quỹ đất Khu công nghệ thông tin tập trung (ICT) tỉnh An Giang.

**2.4. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số**

Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử: 65%.

Tính đến ngày 20/6/2024, hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.016 dịch vụ công. Trong đó: Số lượng DVCTT một phần: 647 dịch vụ công; Số lượng DVCTT toàn trình: 912 dịch vụ công; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 98,9 %. Đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến một phần và tòan trình của tỉnh (1.348 dịch vụ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

**2.5. Kết quả thực hiện Đề án 06/CP:**

Thành lập Tổ công tác và Bộ phận giúp việc triển khai Đề án 06/CP tại cơ quan. Duy trì chế độ họp và báo cáo định kỳ theo quy định.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giúp kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06/CP của ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024 nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 18/3/2022, Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 05/2/2024, Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương trong thực hiện Đề án 06/CP, góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả 05 nhóm tiện ích tại Đề án 06/CP.

Đã triển khai 03 mô hình theo Kế hoạch phối hợp số 43/KHPH- TCTĐA06/CPTWTCTĐA06/CPAG ngày 24/7/2023 giữa Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP tỉnh An Giang triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang[[4]](#footnote-4).

**2.6. Về an toàn an ninh thông tin mạng**

Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 39/39, đạt 100% và 02 hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của 02 doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (VNPT, Viettel) triển khai hiện đang được các doanh nghiệp xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo về triển khai thực hiện Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 7/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng[[5]](#footnote-5).

Ban hành Kế hoạch Hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng năm 2024.

Triển khai Quyết định số 724/QĐ-BTTTT ngày 07/5/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Bộ tiêu chí về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát.

Ban hành văn bản cảnh báo chiến dịch tấn công mới nhằm vào các thiết bị mạng Cisco. Cụ thể: khi truy cập được vào các thiết bị này, đối tượng tấn công có thể điều hướng hoặc điều chỉnh lưu lượng mạng, theo dõi liên lạc trong mạng và thực hiện hành động trái phép.

Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế[[6]](#footnote-6) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống thông tin của Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang gồm 5 Chương, 25 Điều quy định các chính sách quản lý và các biện pháp nhằm bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ[[7]](#footnote-7).

Trong 6 tháng đầu năm 2024, không xảy ra tình trạng mất an toàn thông  
tin mạng.

**2.7. Công tác thanh tra**

2.7.1. Kiểm tra 07 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, với 1.391 lịch blốc, 14 hóa đơn, chứng từ. Qua kiểm tra, các sản phẩm lịch blốc đều có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc xuất xứ, có tem chống giả năm 2024 theo quy định pháp luật.

2.7.2. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn: Trong 06 tháng đầu năm 2024: Số lượt tiếp công dân: 04 vụ việc; Tổng số đơn tiếp nhận đơn trong kỳ: 09 đơn, đã tham mưu giải quyết xong: 9/9 đơn.

2.7.3. Công tác xử lý sim rác, mạng xã hội và các nội dung khác

Trong 06 tháng đầu năm 2024, đã phối hợp Công an tỉnh xử lý các tài khoản mạng xã hội đăng, chia sẻ thông tin sai sự thật, mê tín dị đoan. Qua đó, Thanh tra Sở đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 đối tượng (01 chủ tài khoản Tiktok; 03 chủ tài khoản Youtube) đã có hành vi vi phạm các nội dung nêu trên (tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 20.000.000 đồng).

Hỗ trợ Công an tỉnh xác minh thông tin chủ thuê bao, số IMEI của điện thoại đối với 12 thuê bao di động phục vụ công tác phá án. Hỗ trợ công an tỉnh xác minh thông tin 316 địa chỉ IP truy cập các giao dịch chuyển tiền qua các số tài khoản ngân hàng liên quan đến lừa đảo công nghệ cao.

Kiến nghị Cục viễn thông khoá 02 chiều đối với 72 số thuê bao điện thoại di động có hành vi quấy rối, mạo danh, cung cấp thông tin giả nhằm lừa đảo người dân, tổ chức kể cả cơ quan nhà nước.

Phối hợp Công an tỉnh xác minh, xử phạt vi phạm hành chính (10.000.000 đồng) việc sử dụng thiết bị đầu cuối di động mặt đất không chứng nhận hợp quy, không công bố hợp quy tại địa chỉ số 57 đường Vũ Ngọc Phan, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên.

2.7.4. Tổ giám sát và xử lý thông tin trên môi trường mạng của Sở TTTT[[8]](#footnote-8) kể từ khi thành lập đến nay thường xuyên giám sát và xử lý thông tin, tổng hợp tình hình dư luận xã hội trên môi trường mạng; kịp thời phát hiện, báo cáo, tham mưu Giám đốc Sở giải pháp xử lý đối các tình huống phức tạp hoặc hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường mạng; phối hợp các đơn vị chuyên môn xử lý các vấn đề về khủng hoảng truyền thông, các tình huống đăng tải thông tin xấu độc hoặc thông tin không đúng sự thật.

**2.8. Về triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia; Triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025**

- Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới:

Xây dựng kế hoạch triển khai nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông gửi Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh thẩm định.

Triển khai lắp đặt thiết bị thuộc Hạng mục: Đầu tư cụm phát thanh ứng dụng CNTT-VT thuộc Chương trình MTQG nông thôn mới năm 2022-2023.

Hỗ trợ UBND huyện Thoại Sơn xây dựng kế hoạch triển khai mô hình xã nông thôn mới thông minh Thoại Giang.

Tổ chức khảo sát và lập đề cương và dự toán đầu tư hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông thuộc Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới năm 2024 tại thị xã Tân Châu, huyện Châu Thành, Chợ Mới.

Báo cáo công nhận kết quả đạt huyện nông thôn mới nâng cao Thoại Sơn lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Triển khai lắp đặt thiết bị thuộc Hạng mục Đầu tư cụm phát thanh ứng dụng CNTT-VT thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vữmg (Giảm nghèo về thông tin) năm 2022-2023.

Xây dựng và Trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch triển khai “Tiểu dự án 1 - Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 tỉnh An Giang (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)”.

Tham gia đoàn giám sát, đánh giá triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 tại huyện Tri Tôn.

Tổ chức khảo sát và lập đề cương và dự toán đầu tư hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 tại huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Đang thực hiện chấm thầu Dự án Thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự.

**2.9. Công tác quản lý tài chính, tài sản công:** Thực hiện thủ tục kiểm kê tài sản năm 2024.

**2.10. Công tác thi đua khen thưởng:**

Hướng dẫn đăng ký thi đua năm 2024 ngành TTTT An Giang.

Góp ý kế hoạch phát động thi đua Cụm thi đua số 8

**2.11. Công tác pháp chế:** Triển khaithủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2024.

**2.12.** **Công tác cải cách TTHC tại sở**: ban hành kế hoạch cải cách hành chính Sở TTTT năm 2024.

**2. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng**

**2.1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:**

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Ban Thường vụ Đảng ủy, các chi bộ quan tâm, lãnh đạo; Cấp ủy và các Chi bộ đã tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho đội ngũ đảng viên, CCVC và người lao động.

**Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh:**  Đảng viên, CCVC, NLĐ tiếp tục học tập Chuyên đề năm 2024 “An Giang học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ, Bác Tôn về chăm lo đời sống nhân dân”.

**2.2. Công tác xây dựng đảng:**

**2.2.1. Công tác tổ chức, bộ máy:** Đảng bộ gồm 03 Chi bộ trực thuộc. Có 35 đảng viên, có 01 dự bị; 10 Đảng viên nữ; Ban Chấp hành Đảng bộ có 09 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí là nữ.

Hoàn chỉnh Đề án Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Thông tin và Truyền thông An Giang và Đề án Vị trí việc làm viên chức của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.

Chuyển sinh hoạt nội bộ 01 đảng viên từ Chi bộ 2 về sinh hoạt tại Chi bộ 1.

**2.2.2.** Tiếp tục thực hiện Quy định số 85-QĐ/TW ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội”; duy trì và phát huy mô hình “Mỗi đảng viên là một tuyên truyền viên trên không gian mạng”.

**2.2.3.** Công tác bảo vệ chính trị nội bộ: Thực hiện tốt quy định về chế độ và nguyên tắc sinh hoạt đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ; công khai minh bạch tất cả các nội dung theo quy định phải công khai đúng đối tượng, hình thức và thời gian.

**2.2.4. Công tác bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm:**

Bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng Sở.

Các Chi bộ, Đảng bộ sở thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ theo chỉ đạo tại Công văn số 219/UBND-TH ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh.

Thực hiện quy trình để bổ nhiệm Trưởng phòng CNTT - BCVT.

**2.3. Công tác kiểm tra, giám sát:**

***2.3.1. Ban Thường vụ Đảng ủy:***

**Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024.**

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy chế làm việc của Đảng ủy, các Chi bộ theo văn bản số 2193-CV/ĐUK ngày 24/01/2024 của Đảng ủy khối CQDN tỉnh.

***2.3.2. Giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí:*** Ban hành và triển khai kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2024.

***2.3.3. Việc kê khai tài sản thu nhập của đảng viên thuộc diện phải kê khai:*** Hướng dẫn việc kê khai theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

**2.4.** **Công tác lãnh đạo đoàn thể, quần chúng**

Tổ chức buổi họp mặt giữa tập thể công chức, viên chức và người lao động nữ Chào mừng kỷ niệm 114 năm ngày Quốc tế Phụ nữ và hưởng ứng sự kiện “Tuần lễ áo dài”.

Tổ chức đoàn du khảo về nguồn thăm “địa chỉ đỏ” Khu Di tích lịch sử Cách mạng cấp Quốc gia Cột Dây Thép thuộc xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Dự Đại hội Công đoàn viên chức tỉnh An Giang nhiệm kỳ 2024 – 2029;

Chi đoàn tổ chức thành công Đại hội Chi đoàn nhiệm kỳ 2024 - 2027.

**2.5. Tình hình dư luận nội bộ của đơn vị:** nội bộ đảng viên, CCVC, người lao động của đơn vị có tâm lý ổn định, an tâm công tác.

**3. Đánh giá chung**

**3.1. Ưu điểm**

Đảng bộ đã tổ chức triển khai đầy đủ các văn bản cấp trên về công tác Đảng, cũng như thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành được Bộ TT&TT và UBND tỉnh giao.

Công tác thông tin tuyên truyền được quan tâm; kịp thời tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh.

Đảng viên, CCVC, người lao động có tư tưởng ổn định, an tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

**3.2. Tồn tại, hạn chế**

Hiện tại còn một số nhiệm vụ, chỉ tiêu chưa có hướng dẫn của các Bộ, ngành, Trung ương

Một số phòng chuyên môn chưa được kiện toàn; nhân sự trong cơ quan còn biến động/thay đổi.

**II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

**1. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị**

**1.1. Về Thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở**

Đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tăng cường tuyên truyền bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng, các quy định pháp luật về quản lý, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, các quy định về chế tài xử phạt vị phạm hành chính trên mạng xã hội.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời định hướng nội dung, chỉ đạo tuyên truyền đối với các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trung ương và của tỉnh, làm cho chủ trương, cơ chế, chính sách được chuyển tải nhanh chóng, kịp thời, thông suốt đến tận người dân ở cơ sở.

Triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại ở khu vực biên giới; tập trung thông tin đối ngoại với nước bạn Campuchia.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thông tin cơ sở của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021 – 2025. Triển khai vận hành, kết nối hệ thống thông tin nguồn của tỉnh với hệ thống thông tin nguồn Trung ương.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các sở, ngành, địa phương nhằm để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh; cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh.

Rà soát, hướng dẫn và đề nghị các cơ sở in, phát hành xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục theo quy định Luật Xuất bản và các quy định liên quan khi thay đổi địa chỉ, tên cơ sở kinh doanh.

Hướng dẫn, triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược thúc đẩy phát triển lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về truyền thông chính sách trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Tham mưu kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực in, xuất bản.

**1.2. Về Bưu chính, Viễn thông tần số vô tuyến điện:**

Tổ chức lễ công bố Quyết định phát hành tem bưu chính kỷ niệm 200 năm hoàn thành Kênh Vĩnh Tế (1824 – 2024)

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính. Phát triển mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ số để hiện đại hóa mạng lưới. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương để nâng cao chất lượng dịch vụ mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Cải cách hành chính; Dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công ích; Triển khai việc giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc tại Quyết định số 468/QĐ-TTg.

Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng; rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động;… Các doanh nghiệp Viễn thông trong tỉnh là lực lượng nòng cốt trong triển khai CPĐT, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; An toàn và an ninh thông tin. Tiếp tục triển khai chương trình viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy các doanh nghiệp sớm tắt sóng 2G theo lộ trình, triển khai hạ tầng mạng thông tin di động 5G trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025 theo lộ trình kế hoạch đề ra.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông, cáp truyền hình đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh, Chiến lược Hạ tầng số quốc gia.

**1.3. Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT):**

Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan để hoàn thành tạo quỹ đất Khu công nghệ thông tin tập trung (ICT) tỉnh An Giang.

Tiếp tục triển khai thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các doanh nghiệp tại Khu công nghiệp tỉnh (theo văn bản số 335/CNICT-XT ngày 31/5/2024 của Cục Công nghiệp CNTT và Truyền thông).

**1.4. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số**

Tham mưu UBND tỉnh: Chương trình triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0.

Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo các quyết định: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/1/2022…

Tham mưu triển khai thực hiện Đề án “kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 (Chiến lược AI ứng dụng); triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tham mưu ban hành Quyết định thành lập Mạng lưới chuyển đổi số và Kế hoạch hoạt động mạng lưới chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của các CQNN trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, địa phương cải thiện chỉ số cải cách hành chính năm 2024 (lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số) và nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg; Tổ chức tập huấn số hóa và khai thác, tái sử dụng số hóa kết quả giải quyết TTHC trước đó phục vụ giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử cho tổ chức, cá nhân.

Tiếp tục triển khai thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông minh (IOC) tỉnh An Giang và dự án Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVCTT năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang theo Kế hoạch số 505/KH-UBND ngày 21/5/2024.

**1.5. Thực hiện Đề án 06/CP tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai Đề án 06/CP; các mô hình theo Kế hoạch phối hợp số 43/KHPH-TCTĐA06/CPTWTCTĐA06/CPAG ngày 24/7/2023 giữa Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP tỉnh An Giang.**

**1.6. Về an toàn an ninh thông tin mạng:**

Nâng cao trách nhiệm tự bảo vệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ quản hệ thống thông tin với trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Triển khai tốt công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước. Đội ứng cứu làm nòng cốt hỗ trợ, ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin mạng; Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng; đào tạo cập nhật kiến thức An toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và các thành viên Đội ứng cứu; phổ cập kiến thức về an toàn thông tin mạng cho người dân; Cải thiện chỉ số xếp hạng an toàn thông tin của tỉnh.

Tiếp tục triển khai chuyển đổi IPv6 hệ thống mạng, dịch vụ hệ thống mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Giám sát, phát hiện và phối hợp với cơ quan chức năng, các doanh nghiệp nền tảng số xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

**1.7. Công tác thanh tra**

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thanh tra.

Tham mưu UBND tỉnh thành lập Trung tâm xử lý tin giả theo Công văn số 1159/BTTTT-PTTH&TTĐT ngày 29/3/2024 của Bộ TTTT.

**1.8.** Tiếp tục triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia thuộc lĩnh vực ngành TTTT.

**1.9. Công tác quản lý tài chính, tài sản công:**

**1.10. Công tác thi đua khen thưởng:** Đề xuất tập thể, cá nhân biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến toàn quốc trong công tác thông tin cơ sở năm 2024.

**1.11. Công tác pháp chế:** Tiếp tục triển khai thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực thông tin và truyền thông năm 2024.

**1.12.** Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trong Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh giao.

**1.13.** Tham mưu văn bản của UBND tỉnh triển khai nhiệm vụ trọng tâm ngành TTTT năm 2024.

***2. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng***

***2.1. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng***

Tập trung tuyên truyền cho các sự kiện và các ngày lễ lớn của đất nước; chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Đảng bộ và các Chi bộ trực thuộc tiếp tục tuyên truyền đảng viên, CCVC, người lao động về Chuyên đề năm 2024 “An Giang học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ, Bác Tôn về chăm lo đời sống nhân dân”.

Tiếp tục triển khai Quy định số 85-QĐ/TW ngày 07/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet, mạng xã hội”; duy trì và phát huy mô hình “Mỗi đảng viên là một tuyên truyền viên trên không gian mạng” (phấn đấu trong tháng, mỗi chi bộ có ít nhất 30 tin, bài tích cực được đảng viên chia sẻ trên mạng xã hội).

**2.2. Công tác tổ chức xây dựng đảng**

**2.2.1. Công tác tổ chức:** Tăng cường xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của công tác xây dựng Đảng.

Phát huy vai trò, tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong, gương mẫu đi đầu trong mọi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu theo tinh thần Quy định 08-QĐi/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quy định 101-QĐ/TW của Ban Bí thư và Quy định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

Thực hiện tốt Quy định số 213-QĐ/TW, ngày 02/01/2020 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của đảng viên đang công tác thường xuyên giữ mối liên hệ với tổ chức đảng và Nhân dân nơi cư trú.

Tiếp tục triển khai tốt phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt” giai đoạn 2023 – 2025.

**2.2.2. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ**: Thực hiện tốt quy định về chế độ và nguyên tắc sinh hoạt đảng; nguyên tắc tập trung dân chủ; công khai minh bạch tất cả các nội dung theo quy định phải công khai đúng đối tượng, hình thức và   
thời gian.

**2.2.3. Công tác bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm**

**2.2.4. Công tác tổ chức, bộ máy:**

Thực hiện thủ tục chuyển công tác đối với công chức thuộc sở.

Thanh tra sở chủ trì phối hợp Văn phòng tham mưu triển khai Văn bản số 582/TTr-THHC ngày 07/5/2024 của Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông về kiện toàn Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông.

**2.3. Công tác kiểm tra, giám sát**

***2.3.1. Ban Thường vụ Đảng ủy***

**Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2024.**

Giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với đảng viên, đảm bảo đúng thời hạn quy định.

***2.3.2. Giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí***

**Triển khai** kế hoạch thực hiện phòng, chống tham nhũng năm 2024.

Cấp ủy triển khai tốt công tác giám sát phòng, chống tham nhũng, lãnh phí.

***2.3.3. Việc kê khai tài sản thu nhập của đảng viên thuộc diện phải kê khai:*** Hướng dẫn việc kê khai theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

**2.4. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác đoàn thể**

Quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện xây dựng tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên vững mạnh, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mỗi tổ chức; duy trì tốt chế độ làm việc định kỳ của cấp ủy với tổ chức công đoàn, đoàn  
 thanh niên.

Quan tâm công tác chăm lo đời sống nhân dân theo tinh thần Chuyên đề năm 2024 “An Giang học tập và làm theo tấm gương Bác Hồ, Bác Tôn về chăm lo đời sống nhân dân”.

Làm tốt công tác giới thiệu đoàn viên, công đoàn viên có chất lượng cho Đảng xem xét phát triển./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Đảng ủy Khối CQ và DN (dukcqdn.vnptioffice.vn),  - Đảng bộ sở: BCH, các Chi bộ, Đảng viên,  - Lưu: VT. | **T/M ĐẢNG ỦY**  **BÍ THƯ**  **Lê Quốc Cường** |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG  **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  Số: / BC-STTTT | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập ‑ Tự do ‑ Hạnh phúc**  *An Giang, ngày tháng 6 năm 2024* |

# BÁO CÁO

# Kết quả hoạt động ngành thông tin và truyền thông 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo Kết quả hoạt động ngành thông tin và truyền thông 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 như sau:

## I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2024

1. **Các hoạt động nổi bật**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Sở đã triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông đối với các nhiệm vụ, sự kiện chính trị của tỉnh, nổi bật như: tuyên truyền Lễ công bố Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Truyền thông Lễ thông xe cầu Châu Đốc; Truyền thông lễ hội Vía Bà Chúa xứ Núi Sam năm 2024 trước, trong và sau sự kiện.

Bên cạnh đó, tổ chức thành công: Hội nghị sơ kết Kế hoạch phối hợp giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Công an tỉnh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông; Hội nghị trực tuyến tổng kết Chuyển đổi số năm 2023 và sơ kết 02 năm thực hiện Đề án 06, triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Hội nghị tổng kết hoạt động ngành Thông tin và Truyền thông năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024; Họp mặt báo chí mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024; Xây dựng và triển khai tốt các nhiệm vụ của ngành trong hoạt động mừng Xuân Giáp Thìn năm 2024.

Ký kết Biên bản ghi nhớ phối hợp triển khai hỗ trợ nông dân chuyển đổi số giai đoạn 2023 – 2025 với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hội Nông dân tỉnh.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Văn bản chỉ đạo[[9]](#footnote-9) triển khai nhiệm vụ ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024. Theo đó, triển khai trên toàn tỉnh nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch số 95/KHSTTTT ngày 30/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình công tác năm 2024; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh An Giang về Kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2024 tỉnh An Giang; đồng thời, tập trung đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền; tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang; củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc để người dân được thụ hưởng thành quả của công cuộc chuyển đổi số, để Tỉnh phát triển nhanh và bền vững.

1. **Công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông**
   1. **Về Thông tin, truyền thông**
      1. ***Hoạt động báo chí***

Thông tin trên báo chí đã thể hiện rõ nét hơn vai trò dẫn dắt, chủ động, kịp thời, đạt hiểu quả trong tuyên truyền những vấn đề, sự kiện quan trọng của tỉnh cũng như tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân, góp phần thống nhất nhận thức và tạo sự đồng thuận trong xã hội. Ngoài ra, các cơ quan báo chí đã kịp thời tuyên truyền đậm nét, có chiều sâu công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh, phản ánh rõ nét các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thể hiện quyết tâm của cả hệ thống chính trị và Nhân dân An Giang trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Ước 6 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ thông tin tích cực về tỉnh đạt 50%, thông tin tiêu cực chiếm 5%, tỷ lệ thông tin về Thời sự - Chính trị 42%, Kinh tế - Xã hội 29%, Pháp luật – Quốc phòng An ninh 29%. Các cơ quan báo chí đăng tải tin, bài viết đạt số lượng cao: Thông tấn xã Việt Nam tại An Giang, Báo Giáo dục và Thời đại, Báo Lao động, Báo Tuổi trẻ, Đài Truyền hình Việt Nam.

Định kỳ theo Quý, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp Sở TTTT và các ngành có liên quan, tổ chức Hội nghị định hướng tuyên truyền, chủ động cung cấp thông tin cho báo chí, đặc biệt đối với những vấn đề nổi cộm, quan trọng, nhạy cảm, phức tạp, bảo đảm để báo chí giữ vững vai trò định hướng, dẫn dắt thông tin trong xã hội và đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh nhạy của người dân.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 99 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6/1925 – 21/6/2024) trên địa bàn tỉnh An Giang.

* + 1. ***Hoạt động Xuất bản, In và Phát hành***

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch[[10]](#footnote-10) tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam trên địa bàn tỉnh An Giang lần thứ ba năm 2024. Theo đó, Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ ba năm 2024 diễn ra từ ngày 15/4/2024 đến ngày 01/5/2024, với thông điệp: “Sách hay cần bạn đọc”; “Sách quý tặng bạn”; “Tặng sách hay - Mua sách thật”; “Sách hay: Mắt đọc - Tai nghe”. Từ đầu năm 2024 đến nay, đã cấp 11 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; 01 giấy phép hoạt động in, đúng thời gian quy định.

* + 1. ***Hoạt động Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử***

Thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình hoạt động của các trang thông tin điện tử tổng hợp do Sở cấp phép, tổng hợp, lập danh sách các trang mạng xã hội thường xuyên có các bài viết tiêu cực, phản cảm, thông tin xấu độc để xử lý; kịp thời hướng dẫn, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi có biểu hiện “báo hóa” trang thông tin điện tử tổng hợp. Bên cạnh đó tổ chức rà soát toàn bộ các website “.gov.vn” của các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, đảm bảo tuyệt đối các website không thực hiện liên kết, cài cắm hoặc đăng tải các nội dung không phù hợp.

Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện Chuyên mục truyền hình Chuyển đổi số và truyền thông, phát trên sóng truyền hình Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh An Giang năm 2024.

Tham mưu UBND tỉnh kế hoạch Đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách sản xuất Chương trình truyền hình tỉnh An Giang năm 2024[[11]](#footnote-11).

Tổ chức tập huấn Hệ thống hỗ trợ công bố, công khai trên Trang thông tin điện tử thành phần cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh An Giang về ban hành Danh mục thông tin công bố, công khai của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024.

* + 1. ***Hoạt động Thông tin đối ngoại***

Tham mưu Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm Thông tin điện tử công cộng tại khu vực biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện thông tin, tuyên truyền các sản phẩm truyền thông phục vụ thông tin đối ngoại khu vực biên giới đến các cơ quan, đơn vị liên quan; hướng dẫn hệ thống thông tin cơ sở khai thác và sử dụng các sản phẩm audio spot tuyên truyền Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 01/6/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc phòng Việt Nam – Lào, Việt Nam – Campuchia đến năm 2020 và những năm tiếp theo” và Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Cung cấp cho Cục Thông tin đối ngoại thông tin các sự kiện năm 2024, gồm: sự kiện cấp quốc tế, khu vực, vùng, quốc gia tổ chức trên địa bàn tỉnh và sự kiện cấp tỉnh tổ chức, phục vụ công tác xây dựng Bản đồ số các sự kiện năm 2024 của Việt Nam trên cơ sở đóng góp ý kiến của các đơn vị có liên quan.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch[[12]](#footnote-12) công tác thông tin đối ngoại tỉnh An Giang năm 2024; Kế hoạch[[13]](#footnote-13) truyền thông về quyền con người năm 2023 – 2028 (Theo Quyết định số 1079/QĐ-TTg phê duyệt Đề án truyền thông về quyền con người ở Việt Nam giai đoạn 2023-2028).

Phối hợp Trường Đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý thông tin và truyền thông tổ chức khóa “Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông về quyền con người cho các lực lượng truyền thông” tại tỉnh An Giang.

* + 1. ***Hoạt động Thông tin cơ sở***

Hiện nay 156 xã, phường, thị trấn đều đã xây dựng trang thông tin điện tử của UBND cấp xã; thường xuyên đăng tải tin, bài cung cấp các thông tin thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp và các nội dung khác theo quy định. Sở đã thực hiện hướng dẫn UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện việc rà soát, hướng dẫn việc ban hành quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã theo Quyết định số 52/2016/QĐTTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế hoạt động thông tin cơ sở; Thực hiện việc đăng ký nhu cầu thiết lập tài khoản OA thông tin cơ sở nhằm tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng Zalo để triển khai các hoạt động thông tin cơ sở như một kênh truyền thông của chính quyền cơ sở đến người dân và tương tác giữa người dân với chính quyền cơ sở. Ước từ đầu năm đến nay, hệ thống truyền thanh cấp huyện và cấp xã đã thực hiện tuyên truyền trên 9000 lượt tin, 1600 lượt bài, 524 chuyên mục, tiết mục và các thể loại khác.

* 1. **Về Bưu chính**

Các doanh nghiệp bưu chính kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác các dịch vụ bưu chính, không để kẻ xấu lợi dụng mạng lưới Bưu chính để vận chuyển các loại pháo nổ, hàng cấm, hàng lậu, phối hợp kịp thời với các đơn vị chức năng trong việc ngăn chặn các hành vi vận chuyển hàng lậu, hàng cấm. Đảm bảo thời gian mở, đóng cửa tại các điểm giao dịch; chuyển phát nhanh chóng, kịp thời báo chí, bưu phẩm, bưu kiện, thư, không để tồn đọng.

Ngày 28/5/2024, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phát hành bộ tem “Kỷ niệm 200 năm hoàn thành kênh Vĩnh Tế (1824-2024)”. Hiện nay, Sở TTTT đang trình UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch Tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông về phát hành bộ tem bưu chính “Kỷ niệm 200 năm hoàn thành kênh Vĩnh Tế (1824-2024)”, dự kiến tổ chức vào tháng 6/2024 tại thành phố Long Xuyên.

* 1. **Về Viễn thông, tần số vô tuyến điện**

Các doanh nghiệp tổ chức thực hiện các phương án bảo vệ an toàn mạng lưới thông tin liên lạc và internet, bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thông suốt, an toàn và đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin liên lạc của nhân dân. Không để xảy ra tình trạng nghẽn mạch của các mạng viễn thông. Hiện, Sở TTTT đang xây dựng Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh An Giang.

Phối hợp Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 với 29.980 hộ, trong đó có 10.913 hộ nghèo, 19.067 hộ cận nghèo thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

* 1. **Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT)**

Hiện đang tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan để hoàn thành tạo quỹ đất Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang (ICT).

* 1. **Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số**

1. *Tình hình triển khai Chính quyền điện tử*

Hệ thống cung cấp đầy đủ thông tin TTHC hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng và đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành; Tính đến ngày 04/6/2024, hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.107 dịch vụ công. Trong đó: Số lượng DVCTT một phần: 650 dịch vụ công; Số lượng DVCTT toàn trình: 942 dịch vụ công; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 98 %. Đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% dịch vụ công trực tuyến một phần và tòan trình của tỉnh (1.348 dịch vụ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến của người dân (VNForm) trong việc khảo sát, thu thập, nắm bắt ý kiến người dân cho các hoạt động quản lý Nhà nước, cung cấp thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của các cơ quan, địa phương.

Hoàn thành việc kết nối, tích hợp Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang. Nghiên cứu xây dựng API kết nối Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) và thực hiện tích hợp với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 384/KH-UBND Triển khai thực hiện hẹn giờ giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang, thực hiện Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Triển khai thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ khai thác kết quả số hóa hồ sơ giữa Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để phục vụ khai thác, tái sử dụng kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử.

Phối hợp Viễn thông An Giang xây dựng tài liệu hướng dẫn người dân và cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa các cấp số hóa hồ sơ, tái sử dụng các kết quả thủ tục hành chính trước đó, góp phần đạt tỷ lệ tối thiểu 50% do Chính phủ giao.

Sở TTTT đã phối hợp, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo cấp mới tài khoản dịch vụ công và tập huấn sử dụng phần mềm tuyển sinh và đăng ký DVCTT phục vụ Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và các chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg.

1. *Triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ*

Sở Thông tin và Truyền thông đã thành lập Tổ công tác và Bộ phận giúp việc triển khai Đề án 06/CP tại cơ quan. Thực hiện duy trì chế độ họp và báo cáo định kỳ đầy đủ theo quy định.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang đã kết nối chính thức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư giúp kiểm tra danh tính công dân, tự động điền thông tin công dân vào biểu mẫu thông tin người nộp hồ sơ.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06/CP của ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024 nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung các chỉ tiêu, nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 18/3/2022, Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 05/2/2024, Chỉ thị số 02/CTUBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương trong thực hiện Đề án 06/CP, góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả 05 nhóm tiện ích tại Đề án 06/CP.

Đã triển khai 03 mô hình theo Kế hoạch phối hợp số 43/KHPHTCTĐA06/CPTWTCTĐA06/CPAG ngày 24/7/2023 giữa Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ và Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP tỉnh An Giang triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang[[14]](#footnote-14).

1. *Triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh*

Tiếp tục đôn đốc triển khai trên địa bàn tỉnh các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số do Bộ TTTT tổ chức trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (Nền tảng MOOCs) từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024.

Ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024, bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 1254/KH-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024.

Đã thành lập Tổ triển khai thực hiện “Khảo sát, xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 3.0”. Hiện tại, Sở đang phối hợp Trung tâm công nghệ số quốc gia xây dựng đề cương và dự toán Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh An Giang.

Triển khai trên địa bàn tỉnh về việc đề cử ứng viên tham gia Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam năm 2024. Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam là Giải thưởng thường niên do Hội Truyền thông số Việt Nam tổ chức và được Bộ Thông tin và Truyền thông bảo trợ.

Đang triển khai lấy ý kiến lần 2 dự thảo Chương trình triển khai Nghị quyết số 01 -NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024[[15]](#footnote-15). Trong đó, tổ chức các lớp đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về CĐS, như: nâng cao nhận thức về CĐS, chính phủ số, kinh tế số, công dân số, đảm bảo cơ bản về an toàn thông tin, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Sở Thông tin và Truyền thông đã khảo sát hiện trạng và nhu cầu nguồn nhân lực CĐS, để tham mưu UBND tỉnh An Giang triển khai Quyết định số 1690/QĐTTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ướng đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Tính đến nay, tổng số công chức chuyên trách và kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin (CNTT) tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh là 304 người. Trong đó: Số công chức chuyên trách CNTT: 47 người; trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 06 (03 CNTT), Đại học: 41 (32 CNTT); Số công chức kiêm nhiệm CNTT: 257 người; trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 36 (03 CNTT), Đại học: 205 (45 CNTT), Cao đẳng: 08 (04 CNTT), Trung cấp: 08 (05 CNTT).

Đề xuất Cục Chuyển đổi số quốc gia các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện từng nhóm nhiệm vụ tại Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quản lý của bộ, ngành, địa phương.

Hoàn thành thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại trên cây trồng tại 04 Trạm khảo sát giám định sinh vật gây hại: 02 điểm trên cây lúa tại xã Núi Tô (Tri Tôn) và xã Thoại Giang (Thoại Sơn); 01 điểm trên cây sầu riêng tại xã Bình Chánh (Châu Phú); 01 điểm trên cây xoài xã Bình Phước Xuân (Chợ Mới). Hệ thống bẩy đèn hoàn toàn tự động và có khả năng nhận dạng, chụp ảnh và nhận diện 35 đối tượng côn trùng khác nhau với độ chính xác trên 90%, thay thế toàn bộ hoạt động giám định sinh vật gây hại của con người. Dữ liệu thu thập từ các Trạm giám định sinh vật gây hại được đồng bộ về CSDL chuyên ngành Nông nghiệp tỉnh An Giang để thực hiện phân tích dữ liệu và đưa ra dự đoán tình hình sâu bệnh trên cây trồng. Hiện Sở TTTT đang trình UBND tỉnh chủ trương tiếp tục triển khai nền tảng giám định sinh vật gây hại trong thời gian tới.

* 1. **Về An toàn thông tin mạng**

UBND tỉnh đã ban hành quy chế vận hành các hệ thống dùng chung của tỉnh, quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước, nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục các giải pháp theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện và cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh An Giang bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức. Hệ thống SOC tỉnh An Giang được cấu hình giám sát các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

Trình UBND tỉnh ban hành văn bản triển khai Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Triển khai trên địa bàn tỉnh Sổ tay Hướng dẫn tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (Phiên bản 1.0) do Cục An toàn thông tin ban hành, để triển khai công tác đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đáp ứng các yêu cầu đề ra và hoàn thành mục tiêu theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg.

Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 39/39, đạt 100% và 02 hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của 02 doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh (VNPT, Viettel) triển khai hiện đang được các doanh nghiệp xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Triển khai các nhiệm vụ thực hiện công tác tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo Văn bản số 500/UBND-KGVX ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh, với các nội dung: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin mạng; Phổ biến, tập huấn sử dụng các nền tảng hỗ trợ bảo đảm an toàn thông tin cấp độ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp; Tổ chức tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, công tác bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp và Tổ chức thực thi hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh, Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm không xảy ra tình trạng mất an toàn thông tin mạng.

* 1. **Công tác thanh tra**

- Công tác thanh tra chuyên ngành

Ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2024; Kế hoạch Kiểm tra năm 2024; Kế hoạch Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024; Kế hoạch phối hợp quản lý tần số VTĐ trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch phối hợp giữa Công an tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với Phòng An ninh chính trị nội bộ - Công an tỉnh An Giang, đã thực hiện kiểm tra 07 doanh nghiệp, hộ kinh doanh, với 1.391 lịch blốc, 14 hóa đơn, chứng từ. Qua kiểm tra, các sản phẩm lịch blốc đều có hóa đơn, chứng từ thể hiện nguồn gốc xuất xứ, có tem chống giả năm 2024 theo quy định pháp luật.

Ban hành Quyết định số 02/QĐ-TTra ngày 19/4/2024 của Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp của Hội Nông dân tỉnh An Giang. Qua kiểm tra, Hội Nông dân tỉnh chấp hành tốt các quy định pháp luật trong hoạt động trang thông tin điện tử tổng hợp, có đầy đủ giấy tờ pháp lý, đảm bảo về điều kiện tên miền, nội dung thông tin, điều kiện về kỹ thuật, thực hiện quảng cáo đúng quy định pháp luật và chấp hành tốt các điều cấm trên trang thông tin điện tử, không phát hiện trang thông tin điện tử có dấu hiệu báo hóa.

* Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn

Số lượt tiếp công dân: 03 vụ việc.

Tổng số đơn tiếp nhận trong kỳ: 06, đã tham mưu giải quyết xong: 06/06.

* Công tác giám định tư pháp: Đã tham mưu ban hành 02 kết luận giám định tư pháp theo vụ việc theo yêu cầu của Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh về hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Công tác xử lý sim rác, mạng xã hội và các nội dung khác

Công tác xử lý sim rác: Sở TTTT đã gửi Cục Viễn thông đề nghị xử lý (khoá hai chiều) đối với 25 số điện thoại mạo danh, lừa đảo,…

Hỗ trợ Công an tỉnh xác minh thông tin chủ thuê bao, số IMEI của điện thoại đối với 12 thuê bao di động phục vụ công tác phá án; xác minh thông tin 316 địa chỉ IP truy cập các giao dịch chuyển tiền qua các số tài khoản ngân hàng liên quan đến lừa đảo công nghệ cao; cung cấp thông tin 07 tài khoản mạng xã hội và 03 trang thông tin điện tử thông tin sai sự thật, cá cược, đánh bạc, nói xấu, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tổ chức; lừa đảo, chiếm đoạt tài sản… Tiếp nhận và phối hợp xử lý vi phạm hành chính đối với 01 tài khoản TikTok.

* 1. **Về triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia; Triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025**

Nghiệm thu bàn giao thiết bị cho các xã thuộc Hạng mục: Đầu tư cụm phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022-2023 và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022-2023.

Khảo sát vị trí lắp đặt hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tinviễn thông thuộc Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới năm 2024 tại thị xã Tân Châu, huyện Châu Thành, huyện Chợ Mới.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch[[16]](#footnote-16) triển khai “Tiểu dự án 1 - Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2024 tỉnh An Giang (Nội dung: Giảm nghèo về thông tin)”.

## II. Phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

1. **Về thông tin, truyền thông**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông trên các cơ quan báo chí, truyền thông trong và ngoài tỉnh về những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Tăng cường tuyên truyền bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, cẩm nang phòng chống tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng, các quy định pháp luật về quản lý, chia sẻ thông tin trên mạng xã hội, các quy định về chế tài xử phạt vị phạm hành chính trên mạng xã hội.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời định hướng nội dung, chỉ đạo tuyên truyền đối với các nhiệm vụ chính trị quan trọng của Trung ương và của tỉnh, làm cho chủ trương, cơ chế, chính sách được chuyển tải nhanh chóng, kịp thời, thông suốt đến tận người dân ở cơ sở.

Xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số ngành in Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Rà soát, hướng dẫn và đề nghị các cơ sở in, phát hành xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục theo quy định Luật Xuất bản và các quy định liên quan khi thay đổi địa chỉ, tên cơ sở kinh doanh.

Hướng dẫn, triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược thúc đẩy phát triển lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

Triển khai có hiệu quả Chương trình phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh trong công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại ở khu vực biên giới; tập trung thông tin đối ngoại với nước bạn Campuchia.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thông tin cơ sở của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021 – 2025.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin của các sở, ngành, địa phương nhằm để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh; cung cấp thông tin thường xuyên, định kỳ cho các cơ quan báo chí trong và ngoài tỉnh.

1. **Về bưu chính**

Đầu tư phát triển hạ tầng bưu chính, phấn đấu tăng trưởng duy trì trên 30%; Tập trung 03 lĩnh vực: Logistics, TMĐT, dịch vụ công. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào các lĩnh vực hoạt động bưu chính. Phát triển mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ số để hiện đại hóa mạng lưới. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính KT1 tại địa phương để nâng cao chất lượng dịch vụ mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

Cải cách hành chính; Dịch vụ hành chính công qua mạng bưu chính công ích; Triển khai việc giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc tại Quyết định số 468/QĐ-TTg.

1. **Về Viễn thông, tần số vô tuyến điện**

Tập trung triển khai các dịch vụ chuyển đổi số, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Tăng cường quản lý nhà nước thuê bao trả trước, an toàn, an ninh mạng; rà soát, xóa các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động;… Các doanh nghiệp Viễn thông trong tỉnh là lực lượng nòng cốt trong triển khai CPĐT, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; An toàn và an ninh thông tin. Tiếp tục triển khai chương trình viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh. Thúc đẩy các doanh nghiệp sớm tắt sóng 2G theo lộ trình, triển khai hạ tầng mạng thông tin di động 5G trên địa bàn tỉnh.

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025[[17]](#footnote-17) theo lộ trình kế hoạch đề ra.

Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông, cáp truyền hình đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh, Chiến lược Hạ tầng số quốc gia.

1. **Về Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT)**

Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ các đơn vị liên quan để hoàn thành tạo quỹ đất Khu công nghệ thông tin tập trung (ICT) tỉnh An Giang.

1. **Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số**

Tiếp tục tập trung triển khai Chương trình Chuyển đổi số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 tỉnh An Giang; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Các nhiệm vụ, dự án, chương trình trọng tâm của Bộ, ngành, Trung ương.

Tham mưu UBND tỉnh: Tham mưu UBND tỉnh: Chương trình triển khai Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về Chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh An Giang; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0; Quy chế đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 03/2023/QĐUBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang; Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang; Công bố số liệu đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2023; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; sửa đổi, thay thế Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch tổ chức chỉnh trang mạng lưới cáp viễn thông, cáp truyền hình đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch tổ chức Đoàn công tác tỉnh An Giang học tập kinh nghiệm triển khai Trung tâm giám, điều hành thông minh (IOC).

Duy trì kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tiếp tục tập trung chỉ đạo, triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai các chương trình, chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo các quyết định: Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021; Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/1/2022…

Hỗ trợ, đôn đốc các ngành, địa phương phát triển các nền tảng số. Trong đó, tập trung phát triển các nền tảng quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến địa phương; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu; phát triển dữ liệu lớn; cung cấp dữ liệu mở.

Hướng dẫn, hỗ trợ, đôn đốc triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục triển khai thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trung tâm dữ liệu, điều hành thông tminh (IOC) tỉnh An Giang và dự án Số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương còn hiệu lực.

1. **Về An toàn thông tin mạng**

Nâng cao trách nhiệm tự bảo vệ hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ quản hệ thống thông tin với trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Triển khai tốt công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng, xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước. Đội ứng cứu làm nòng cốt hỗ trợ, ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin mạng; Tổ chức diễn tập thực chiến an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin quan trọng; đào tạo cập nhật kiến thức An toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và các thành viên Đội ứng cứu; phổ cập kiến thức về an toàn thông tin mạng cho người dân; Cải thiện chỉ số xếp hạng an toàn thông tin của tỉnh.

Tiếp tục triển khai chuyển đổi IPv6 hệ thống mạng, dịch vụ hệ thống mạng của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

Giám sát, phát hiện và phối hợp với cơ quan chức năng, các doanh nghiệp nền tảng số xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trong phạm vi quản lý.

1. **Công tác thanh tra**

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch thanh tra năm 2024. Phối hợp với các ngành, địa phương, tổ chức đoàn thể, hội, hiệp hội và doanh nghiệp tăng cường kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho nhà nước, người dân.

Tiếp tục tham mưu công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch rà, quét để xử lý, kiến nghị xử lý về báo hóa, trang thông tin điện tử, MXH về đăng tải tin giả, tin xấu, độc trên mạng; tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

1. **Về triển khai các Chương trình Mục tiêu quốc gia; Triển khai kế hoạch về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025**

Tiếp tục triển khai các nội dung thông tin và truyền thông thuộc các Chương trình Mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ TTTT; ([tonghop@mic.gov.vn](mailto:tonghop@mic.gov.vn));  - Đại diện Văn phòng Bộ tại TPHCM ([vanthuddhcm@mic.gov.vn](mailto:vanthuddhcm@mic.gov.vn); [hthong@mic.gov.vn](mailto:hthong@mic.gov.vn));  - Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;  - Cục Thống kê tỉnh ([tonghopag@gso.gov.vn](mailto:tonghopag@gso.gov.vn));  - P.VHTT huyện, thị xã, thành phố;  - Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh cấp huyện;  - Các DN BCVT;  - Cổng TTĐT tỉnh AG;  - Sở TTTT: Các Phòng, TT.  - Lưu: VT. | **GIÁM ĐỐC** |

# 1. Nội dung bài tham luận Phòng Kế hoạch – Tài chính

## Công tác hướng dẫn các xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu về thông tin và truyền thông; những khó khăn, giải pháp trong thời gian tới

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Hội nghị!

Kính thưa các vị đại biểu!

Kính thưa Hội nghị!

Hôm nay, trong không khí trang trọng của Hội nghị Sơ kết công tác Đảng, Chính quyền 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông, thay mặt phòng Kế hoạch – Tài chính, tôi xin phát biểu tham luận với chủ đề: ***Công tác hướng dẫn các xã triển khai thực hiện các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu về thông tin và truyền thông; những khó khăn, giải pháp trong thời gian tới.***

1. **Công tác triển khai thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh An Giang**

Kính thưa Hội nghị!

Để triển khai hướng dẫn địa phương thực hiện theo đúng quy định của Trung ương, tỉnh An Giang đã ban hành các Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025; Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 22/6/2022); Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 22/6/2022); Quy định “Xã nông thôn mới kiểu mẫu” tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2022).

Để các địa phương có căn cứ đánh giá mức độ đạt tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao về thông tin và truyền thông; Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2023, và các Văn bản của tỉnh An Giang; Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã xây dựng hướng dẫn[[18]](#footnote-18)[[19]](#footnote-19) thực hiện nội dung tiêu chí của ngành.

Xác định công tác truyền thông, tuyên truyền là một giải pháp quan trọng, vừa song hành trong thực hiện triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; vừa thông tin các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn, phản ánh thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng Chương trình. Theo đó, thực hiện viết tin, bài, ảnh với các nội dung liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới về thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, các cuộc họp của Ban Chỉ đạo và các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về nông thôn mới,… trên Trang thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền thông và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tỉnh, của Sở, thường xuyên làm việc với phòng Văn hóa và Thông tin huyện, thị xã, thành phố trong công tác xây dựng nông thôn mới về thông tin và truyền thông tại địa phương, đồng thời, thực hiện kiểm tra, phúc tra tiến độ thực hiện và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương trong công tác triển khai, tham mưu lãnh đạo Sở báo cáo kết quả với Văn phòng điều phối tỉnh để phục vụ cho công tác xem xét công nhận của Tỉnh. Bên cạnh đó, thực hiện đề xuất nội dung, góp ý các văn bản, kế hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của địa phương, của Ban chỉ đạo tỉnh.

Phối hợp Văn phòng Điều phối xây dựng Nông thôn mới tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022, 2023. Tại đây, Sở Thông tin và Truyền thông trực tiếp hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu liên quan đến các Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, và huyện nông thôn mới nâng cao thuộc ngành Thông tin và Truyền thông phụ trách cho thành viên BCĐ và Tổ công tác giúp việc cho BCĐ các Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện, Lãnh đạo và Chuyên viên Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới cấp huyện, Các phòng ban chuyên môn có liên quan phụ trách tiêu chí nông thôn mới, Lãnh đạo UBND và cán bộ phụ trách tiêu chí nông thôn mới cấp xã. Qua buổi tập huấn, các đại biểu đã cùng thảo luận, trao đổi về mặt khó khăn, cách triển khai thực hiện một số nội dung trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới nâng cao và đề ra giải pháp, rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng nông thôn mới về thông tin và truyền thông.

Tính đến cuối năm 2023, tỉnh An Giang có 76/110 xã nông thôn mới, 34 xã nông thôn mới nâng cao và 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

1. **Khó khăn và đề xuất giải pháp trong thời gian tới**

Đến nay, việc triển khai các chỉ tiêu về nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu về thông tin và truyền thông đã dần đi vào ổn định, tuy nhiên việc thực hiện Tiêu chí về thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2025 có nhiều khó khăn hơn giai đoạn trước. Tiêu chí thông tin và truyền thông giai đoạn này được mở rộng về nội dung, yêu cầu về tỷ lệ, chất lượng cao hơn giai đoạn trước và đặc biệt đòi hỏi sự tham gia của người dân nhiều, nên có nhiều xã từ “đã hoàn thành” giai đoạn trước trở thành “chưa hoàn thành” của giai đoạn này; nhiều xã chưa thể hoàn thành do một số chỉ tiêu yêu cầu trích lục số liệu từ các năm về trước mà bản chất các số liệu này đã được xử lý, không thể thay đổi được; tỷ lệ người dân được cập nhật kỹ năng về chuyển đổi số chưa nhiều; ngoài ra, số lượng hồ sơ tại bộ phận một cửa là rất lớn mà nhân sự lại hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ nhập liệu và xử lý hồ sơ trên phần mềm; trang thiết bị tại bộ phận một cửa của một số xã cũng chưa đảm bảo cũng ảnh hưởng lớn đến công tác số hóa kết quả hồ sơ…

Trong thời gian tới, để phát huy những kết quả đạt được và để hạn chế những khó khăn kể trên xảy ra, cần đẩy mạnh Chuyển đổi số như một giải pháp trọng tâm trong xây dựng nông thôn mới. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho hoạt động tại xã. Việc nâng cao nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số trong nông nghiệp tại cơ sở cũng rất quan trọng, cần tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cho các hộ sản xuất nông nghiệp và người dân nông thôn về kỹ năng số để tham gia hoạt động trên môi trường số; thúc đẩy việc tham gia, giao dịch trên các sàn thương mại điện tử, đặc biệt là các sàn thương mại điện tử của doanh nghiệp bưu chính Việt Nam triển khai. Khai thác tối đa lợi ích của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương, với lực lượng nồng cốt là đoàn thanh niên - cánh tay nối dài của chính quyền để “đi từng ngõ, gõ từng nhà” hỗ trợ hướng dẫn người dân, HTX, doanh nghiệp các kỹ năng số cần thiết để tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử, sử dụng các dịch vụ số và nền tảng số. Tăng cường ứng dụng trực tuyến, khuyến khích địa phương nghiên cứu triển khai trí tuệ nhân tạo để phục vụ công tác quản lý, điều hành…

Kết lời, với vai trò là đơn vị tham mưu triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới về thông tin và truyền thông, phòng sẽ tích cực phối hợp các đơn vị, địa phương để hỗ trợ xã đạt tiêu chí ngành trong lộ trình, qua đó tạo điều kiện để triển khai công tác chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trong thời gian tới.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp. Xin trân trọng kính chào./.

# 2. Nội dung bài tham luận Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản

## Công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội,

## những khó khăn, thách thức và giải pháp

**I. Tổng quan về công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí**

Trước hết, công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội giúp bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Thông qua việc theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin sai sự thật, xuyên tạc, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của các đối tượng, chúng ta có thể bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của họ.

Việc quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội cũng góp phần đảm bảo sự minh bạch, trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức. Khi các thông tin về hoạt động, kết quả công việc được công khai, minh bạch, điều này sẽ tạo niềm tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với các cơ quan, tổ chức.

Công tác quản lý thông tin trên báo chí còn giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động báo chí. Thông qua việc theo dõi, phản hồi, hướng dẫn các cơ quan báo chí, chúng ta có thể góp phần cải thiện chất lượng thông tin, bảo đảm tính khách quan, trung thực, phục vụ tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân.

Việc quản lý thông tin trên các phương tiện truyền thông cũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với cơ quan, tổ chức và hoạt động quản lý, điều hành của Nhà nước. Khi các thông tin được kiểm soát chặt chẽ, không để xảy ra những sai sót, gây ảnh hưởng xấu, điều này sẽ tăng cường sự tin tưởng của nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Vì vậy, có thể nói công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội là vô cùng quan trọng, góp phần bảo vệ quyền lợi chính đáng, đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình, nâng cao chất lượng hoạt động báo chí và củng cố niềm tin của nhân dân.

Các nhiệm vụ chính của công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội bao gồm:

(1) Theo dõi, giám sát chặt chẽ thông tin trên các phương tiện truyền thông, báo chí, mạng xã hội.

(2) Phát hiện, xử lý kịp thời các thông tin sai sự thật, xuyên tạc, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(3) Hướng dẫn, phản hồi với các cơ quan báo chí nhằm nâng cao chất lượng, tính khách quan, trung thực của thông tin.

(4) Công khai, minh bạch thông tin về hoạt động, kết quả công việc của các cơ quan, tổ chức.

(5) Tăng cường kiểm soát, quản lý thông tin trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, góp phần ngăn chặn các thông tin tiêu cực, gây ảnh hưởng xấu.

(6) Xây dựng và triển khai các biện pháp, quy định về quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội.

**II. Thuận lợi trong công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội**

Sự phổ biến rộng rãi của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội giúp chúng ta có thể theo dõi, giám sát thông tin một cách toàn diện và kịp thời hơn. Đồng thời, các công cụ, phần mềm hiện đại cũng giúp việc thu thập, phân tích, xử lý thông tin trở nên nhanh chóng, hiệu quả hơn.

Công tác quản lý thông tin báo chí, mạng xã hội được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, được cấp ủy, chính quyền quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Các chính sách, văn bản pháp luật về quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội cũng được ban hành và triển khai đồng bộ.

Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí, mạng xã hội và các đơn vị liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, quản lý thông tin. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu, kinh nghiệm giữa các đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả công tác.

Người dân, doanh nghiệp ngày càng ý thức được tầm quan trọng của việc cung cấp, phản ánh thông tin chính xác, kịp thời. Sự tham gia tích cực của họ trong việc phát hiện, cung cấp thông tin sai sự thật, xuyên tạc góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

**III. Khó khăn và thách thức trong công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí, mạng xã hội**

**1. Khối lượng thông tin lớn, đa dạng**

Với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các phương tiện truyền thông truyền thống như báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình cũng như các nền tảng mạng xã hội đã tạo ra một lượng thông tin khổng lồ, liên tục được cập nhật và chia sẻ.

Điều này đòi hỏi chúng tôi phải không ngừng nâng cao năng lực, trình độ để có thể theo dõi, giám sát hiệu quả. Việc phải xử lý, phân tích, đánh giá một khối lượng thông tin khổng lồ, đa dạng về chủ đề, hình thức trình bày, nguồn gốc... đòi hỏi sự chuyên sâu và thời gian rất lớn. Nhiều trường hợp, chúng ta phải đối mặt với tình trạng thông tin quá tải, gây khó khăn trong việc nắm bắt, xử lý kịp thời.

**2. Tính chất nhanh chóng, thời sự của thông tin**

Trong kỷ nguyên số, thông tin trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt là báo điện tử và mạng xã hội, được cập nhật liên tục, với tốc độ chóng mặt. Nhiều sự kiện, vấn đề nóng hổi, quan trọng được đưa tin ngay lập tức, đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng nắm bắt, xử lý kịp thời.

Điều này đặt ra không ít thách thức đối với công tác quản lý thông tin báo chí. Việc phải theo dõi, giám sát, phân tích các bài viết đăng tải hàng ngày trên các phương tiện truyền thông là việc khó, tốn nhiều thời gian. Nhiều trường hợp, phải đối mặt với tình trạng thông tin quá tải, gây khó khăn trong việc nắm bắt, xử lý kịp thời.

Bên cạnh đó, tính chất nhanh chóng, thời sự của thông tin báo chí cũng đòi hỏi chúng ta phải linh hoạt, nhạy bén trong việc ứng phó. Nhiều vấn đề, sự kiện nóng hổi được đưa tin ngay lập tức, đòi hỏi chúng tôi phải nhanh chóng có những phản ứng, xử lý thích hợp, tránh để tình trạng thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội.

**3. Sự phát triển của các loại hình truyền thông mới, khó kiểm soát**

Trong thời đại số hóa, chúng ta đang chứng kiến sự bùng nổ của các loại hình truyền thông mới, như mạng xã hội, chia sẻ trực tuyến… Những nền tảng này đã tạo ra một môi trường truyền thông vô cùng sôi động, với lượng thông tin khổng lồ được chia sẻ, trao đổi liên tục. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra không ít thách thức đối với công tác quản lý thông tin báo chí.

Một trong những khó khăn lớn nhất chính là tính khó kiểm soát của các loại hình truyền thông mới này. Trên các nền tảng mạng xã hội, bất kỳ ai cũng có thể tạo nội dung và chia sẻ thông tin, mà không cần qua sự kiểm duyệt, kiểm soát của cơ quan chức năng. Điều này dẫn đến tình trạng thông tin không được kiểm chứng, thậm chí là thông tin sai lệch, giả mạo, có thể gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội.

Hơn nữa, tính lan truyền nhanh chóng của các loại hình truyền thông mới cũng là một thách thức lớn. Một tin giả, một thông tin sai lệch có thể được chia sẻ, lan truyền với tốc độ chóng mặt trên mạng xã hội, gây khó khăn trong việc kiểm soát, xử lý kịp thời. Điều này đòi hỏi chúng tôi phải liên tục theo dõi, giám sát, phát hiện và xử lý các thông tin tiêu cực, sai lệch một cách nhanh chóng.

**IV. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, quản lý thông tin trên báo chí**

**1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý, cơ chế chính sách**

Cần rà soát, bổ sung và hoàn thiện các văn bản pháp luật, quy định liên quan đến quản lý thông tin trên các nền tảng truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội. Các quy định cần được cập nhật, bổ sung để đáp ứng với những thách thức mới nảy sinh, như vấn đề quyền riêng tư, an ninh thông tin, quản lý nội dung vi phạm ... Việc này sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, giúp các cơ quan chức năng có cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện công tác quản lý, giám sát hiệu quả hơn.

Cần thiết lập các cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan, như cơ quan quản lý báo chí, cơ quan an ninh mạng, các mạng xã hội, v.v. Điều này sẽ giúp tăng cường sự phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, từ đó nâng cao hiệu quả trong việc theo dõi, phát hiện và xử lý các thông tin tiêu cực, sai lệch trên các nền tảng truyền thông.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ các cơ quan báo chí, mạng xã hội trong việc tự quản lý, kiểm soát nội dung. Ví dụ như các chính sách ưu đãi về thuế, hỗ trợ công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, v.v. Điều này sẽ giúp các đơn vị này chủ động hơn trong việc quản lý, kiểm soát thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý của cơ quan nhà nước.

Cần tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về trách nhiệm, đạo đức khi sử dụng, chia sẻ thông tin trên các nền tảng truyền thông. Điều này sẽ góp phần hạn chế tình trạng chia sẻ thông tin sai lệch, giả mạo, từ đó giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thông tin của cơ quan nhà nước.

**2. Ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông hiện đại**

Cần xây dựng và triển khai các hệ thống giám sát, phân tích thông tin trên các nền tảng truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội. Các hệ thống này sẽ giúp thu thập, phân tích dữ liệu một cách tự động, kịp thời, từ đó phát hiện và cảnh báo các thông tin tiêu cực, sai lệch. Điều này sẽ giúp các cơ quan chức năng có thể nhanh chóng can thiệp, xử lý kịp thời.

Cần ứng dụng các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine Learning) để phát triển các giải pháp tự động phát hiện, phân loại, đánh giá nội dung trên các nền tảng truyền thông.

**3. Tăng cường sự phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan liên quan**

Cần thiết lập các cơ chế, quy trình trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu một cách chủ động, thường xuyên giữa các cơ quan liên quan. Việc này sẽ giúp tăng cường sự phối hợp, đồng bộ trong công tác theo dõi, quản lý thông tin, từ đó nâng cao hiệu quả trong việc phát hiện và xử lý các thông tin vi phạm.

Cần xây dựng các cơ chế, quy trình chia sẻ, kết nối các hệ thống, cơ sở dữ liệu của các cơ quan liên quan. Điều này sẽ giúp tăng cường khả năng tiếp cận, khai thác thông tin, dữ liệu một cách toàn diện, từ đó nâng cao hiệu quả trong việc theo dõi, phát hiện và xử lý các thông tin tiêu cực, sai lệch.

Cần đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao năng lực phối hợp, chia sẻ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý thông tin báo chí.

**4. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ**

Trong bối cảnh thông tin trên các nền tảng truyền thông, đặc biệt là mạng xã hội, phát triển nhanh chóng và phức tạp, việc nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý thông tin báo chí là một giải pháp then chốt để nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, quản lý thông tin.

Cần xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho công tác quản lý thông tin báo chí, mạng xã hội. Điều này sẽ giúp nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ trong việc theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các thông tin tiêu cực, sai lệch.

Cần tăng cường các hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thực tiễn giữa các cán bộ làm công tác quản lý thông tin báo chí. Việc này sẽ giúp họ học hỏi, nâng cao kiến thức và kỹ năng từ những người đi trước, từ đó nâng cao hiệu quả trong công việc.

Cần xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, đào tạo và giữ chân đội ngũ cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn cao trong lĩnh vực này.

Cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các công cụ, phần mềm hiện đại vào công tác quản lý thông tin báo chí. /.

# 3. Nội dung bài tham luận Thanh tra

## Tham mưu thành lập Trung tâm xử lý tin giả tỉnh An Giang

|  |  |
| --- | --- |
| Kính thưa: | …………………………………………………………………..  - Ông Lê Quốc Cường, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở TTTT;  - Ông Nguyễn Thanh Hải, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở TTTT;  - Ông Võ Minh Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở TTTT;  - Các đồng chí Đảng viên, công chức, viên chức và người lao động Sở TTTT. |

Được sự cho phép của Ban Tổ chức hội nghị, tôi đại diện cho Thanh tra Sở trình bày tham luận về *“Tham mưu thành lập Trung tâm xử lý tin giả tỉnh An Giang”.*

Cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, những năm gần đây xu hướng người dân đọc tin tức qua mạng, sử dụng mạng xã hội để chia sẻ thông tin ngày càng tăng cao. Tuy nhiên, không gian mạng với đặc tính dễ ẩn danh, lan truyền nhanh đã trở thành môi trường thuận lợi cho hoạt động phát tán tin giả, tin sai sự thật. Tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng có nội dung liên quan đến nhiều lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế đến văn hóa, xã hội..., gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự của các tổ chức, cá nhân; ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, gây thiệt hại về kinh tế... Nhiều thông tin thiếu kiểm chứng, bịa đặt, phản cảm được người dùng mạng xã hội chia sẻ rộng rãi gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Theo số liệu của Thanh tra Sở, trong 6 tháng đầu năm 2024, đã thực hiện xử phạt vi phạm hành chính 06/07 vụ việc liên quan đến tin giả, tin sai sự thật trên không gian mạng.

Thực hiện chỉ đạo Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thành lập Trung tâm xử lý tin giả tại tỉnh An Giang (Trung tâm). Sở Thông tin và Truyền thông đã dự thảo Quyết định thành lập Trung tâm gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và sau đó trình UBND tỉnh để ban hành.

Tôi khái quát sơ lượt Trung tâm như sau:

**1. Về việc thành lập Trung tâm:**

- Trung tâm có chức năng là đầu mối tiếp nhận, xử lý và công bố tin giả, tin sai sự thật trên địa bàn tỉnh.

- Trung tâm được đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông, do 01 Phó Giám đốc Sở phụ trách.

- Tổ xử lý tin giả gồm các thành viên là công chức của Sở TTTT, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Công an tỉnh.

**2. Về chức năng nhiệm vụ:**

- Tiếp nhận phản ánh tin giả từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Kiểm tra, xác minh, phân loại và xử lý thông tin.

- Đóng dấu tin giả và công bố công khai.

- Phối hợp xử lý vi phạm theo quy định.

- Tuyên truyền, hướng dẫn nhận biết và phòng tránh tin giả.

**3. Về quy trình hoạt động:**

Tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh: website, fanpage, đường dây nóng, email...

Phân loại, xác minh thông tin.

Đóng dấu và công bố tin giả trên các phương tiện truyền thông.

Chuyển cơ quan chức năng xử lý vi phạm (nếu có).

**4. Phương hướng thời gian tới:**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong phát hiện và xử lý tin giả.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm.

Trên đây là nội dung tham luận Thanh tra Sở về tham mưu thành lập Trung tâm xử lý tin giả tỉnh An Giang.

Cuối lời, xin kính chúc Quý lãnh đạo được nhiều sức khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

## Thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

## hỗ trợ công tác giám định tư pháp theo vụ việc

**I. Đặt vấn đề:**

“Chuyển đổi số là tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và là động lực trong phát triển tỉnh An Giang” là một trong những quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ban thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Vừa qua, Sở Thông tin và Truyền thông (TTTT) đã được công bố đứng đầu xếp hạng mức độ chuyển đổi số trong nhóm cơ quan có dịch vụ công năm 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang.

**II. Sự cần thiết:**

Trong thời gian qua, Sở TTTT nhận được các quyết định trưng cầu giám định từ các cơ quan công an, cơ quan điều tra để cho ý kiến về một số nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của Sở TTTT. Một số nội dung giám định có lượng thông tin lớn cần phải có nhiều thời gian, công sức để nghiên cứu, phân tích để đưa ra kết luận. Do đó, việc có ứng dụng AI để hỗ trợ giám định viên trong việc giám định là rất cần thiết.

**III. Thực trạng:**

Việc thí điểm “Ứng dụng AI hỗ trợ công tác giám định tư pháp theo vụ việc” mang lại một số kết quả khá khả quan. Cụ thể là:

**\* Đạt được:**

- Giám định viên, tổ thư ký tiết kiệm được thời gian và công sức trong việc nghiên cứu, phân tích các nội dung giám định có lượng thông tin lớn, phức tạp.

- Hỗ trợ giám định viên ra quyết định có độ chính xác cao hơn nhờ AI có lượng tri thức lớn, bao quát nhiều ngành, lĩnh vực.

- Số vụ việc được trưng cầu giám định đã và đang thực hiện thí điểm ứng dụng AI trong một số công việc là 03 vụ việc. Tiết kiệm trên 50% thời gian xem xét, phân tích mẫu thông tin cần được giám định.

**IV. Bài học kinh nghiệm:**

Chuyển đổi số là giải pháp góp phần thúc đẩy tiến độ giải quyết, nâng cao hiệu quả công việc. Cần phân tích, xác định rõ mục đích, yêu cầu của công việc để từ đó nghiên cứu, lựa chọn nền tảng, giải pháp công nghệ phù hợp để ứng dụng chuyển đổi số vào giải quyết nó.

**V. Phương hướng:**

Với một số kết quả đã đạt được bước đầu trong thí điểm ứng dụng AI hỗ trợ công tác giám định tư pháp theo vụ việc tại Sở TTTT, thời gian tới, Thanh tra Sở sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai một số nội dung như sau:

- Ứng dụng AI vào nhiều giai đoạn hơn trong hoạt động giám định tư pháp, hướng đến tham mưu áp dụng chính thức AI vào nhiệm vụ giám định tư pháp tại Sở TTTT.

- Từng bước xây dựng một trợ lý ảo cho giám định viên tư pháp luôn sẵn sàng trả lời các câu hỏi 24/24 giờ, bất kỳ khi nào cần và bất kỳ ở đâu có kết nối Internet./.

**THANH TRA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

# 4. Nội dung bài tham luận Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông

## Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vựcXây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang năm 2024

Căn cứ Hội nghị sơ kết công tác Đảng, chính quyền 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tham luận về “***Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số năm 2024”***, như sau:

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

Tháng 9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong đó, đặt mục tiêu đến năm 2025, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đặt mục tiêu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng Chính phủ số.

Thực hiện các mục tiêu trên, Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 – 2025; Khung Đề án An Giang điện tử giai đoạn 2019 – 2025, định hướng đến năm 2030. Năm 2021, Chương trình số 553/Ctr-UBND ngày 09/9/2021 Chương trình chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đọạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 ban hành Chương trình CCHC tỉnh An Giang giai đoạn 2021 -2030 và Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, để hoàn thành mục tiêu chính quyền điện tử tỉnh An Giang.

Hàng năm, Sở tham mưu UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; góp ý hoàn thiện Kế hoạch CCHC và xác định lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình/Kế hoạch CCHC của tỉnh.

***Kính thưa Quý vị đại biểu!***

**Trong thời gian qua, việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang đạt được kết quả như sau:**

Theo kết quả được công bố, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2023 đạt 81,32%, xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố của cả nước (thuộc nhóm B với kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm 56 tỉnh, thành phố), giảm 21 hạng so với năm 2022.

Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang, đạt 11,9112 điểm/13,5 điểm tăng 1.14 điểm và xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố - tăng 11 hạng so với năm 2022 (10.77 điểm và xếp hạng 20). Để đạt được kết quả đó là nhờ sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhất là cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp, tạo sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp trong phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Một số kết quả nổi bật như sau:

1. Hạ tầng số: Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh. 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành. 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Phổ cập điện thoại thông minh (smartphone): Thuê bao điện thoại di động: 2.430.409; Thuê bao băng rộng cố định: 429.788; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 66,2%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 80,24%.

2. Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang được vận hành tại địa chỉ https://opendata.angiang.gov.vn , thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang để cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng; số lượng CQNN cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cung cấp dữ liệu mở là 179/188 cơ quan, đạt tỉ lệ 94,2%.

3. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang được xây dựng tập trung, thống nhất tại địa chỉ: https://dichvucong.angiang.gov.vn và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành. Tỉnh đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% DVCTT một phần và DVCTT toàn trình của tỉnh (1.348 dịch vụ[[20]](#footnote-20)) trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 97,4%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2023 đạt 80,76%. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 35,7%.

Triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đến 100% Bộ phận Một cửa các cấp, tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC đạt 44,73%. Trong đó, cấp tỉnh: 93,87%, cấp huyện: 33,11%, cấp xã: 41,41%.

4. Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành triển khai đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (đảm bảo kết nối 100% sở, ban, ngành và tương đương, UBND các cấp), góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lần lượt được xử lý trên môi trường mạng: 99%, 98,4% và 92,3%.

5. Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đã triển khai đến nhiều đơn vị cấp Sở, huyện. Theo đó, tài liệu họp có thể số hóa chuyển cho các thành viên tham dự nhằm hạn chế sử dụng văn bản giấy.

6. Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS) đã được triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Hệ thống đã kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỷ lệ báo cáo của CQNN được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

7. Cổng thông tin điện tử tỉnh được nâng cấp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, thực hiện công bố, công khai và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định tại Điều 4 Nghị định 42/2022/NĐ-CP, thông tin theo quy định của pháp luật; các thông tin tin thiết yếu phục vụ người dân, doanh nghiệp. Cổng thông tin điện tử tỉnh được chuyển đổi sang công nghệ IPv6; kết nối với Hệ thống thu thập đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống Tracking EMC).

8. Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP) thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống nội bộ tỉnh; Liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (Nền tảng NDXP). Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng NDXP đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam hiện hành.

9. Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tỉnh được triển khai theo Quyết định số 2463/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu (phiên bản 1.0). Đến nay, đã có 08/11 huyện, thị xã, thành phố có triển khai thí điểm. Trong đó, UBND thành phố Long Xuyên là địa phương đầu tiên triển khai. Các hệ thống này đã kết nối được một số hệ thống thông tin, dữ liệu khác nhau (kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế…) tại địa phương.

10. Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng:

Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh An Giang bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức. Hệ thống SOC tỉnh An Giang được cấu hình giám sát các hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ là 39/39, đạt 100%.

11. Nguồn nhân lực số: Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong đó, tổ chức các lớp đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số, như: nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, công dân số, đảm bảo cơ bản về an toàn thông tin, khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tổng số công chức chuyên trách và kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh: 304 người.

Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số đến xã, phường, thị trấn, khóm, ấp: Đã thành lập 1.035 Tổ công nghệ số cộng đồng, có 7.991 thành viên tham gia.

12. Đánh giá mức độ hoàn thiện Chính quyền điện tử: Tính đến 12/2023, tổng số CQNN cấp tỉnh hoàn thiện Chính quyền điện tử là 13/20[[21]](#footnote-21) cơ quan, tỷ lệ 65%.

13. Triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử: Tuyên tuyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần; Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh An Giang tại địa chỉ <https://dti.angiang.gov.vn/>; Phát hình chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông”…

**III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

Một số tiêu chí bị mất điểm do nguyên nhân khách quan:

- Tiêu chí 7.1.2 Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt 0.5/1 điểm (mất 0.5 điểm). Lý do bị mất điểm ở tiêu chí này là do Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ chưa sẵn sàng để kết nối nên các địa phương không thể kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Tiêu chí 7.1.4 Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức đạt 0,4118/1 điểm (mất 0.5882 điểm). Lý do: Tỉnh An Giang đã thực hiện kết nối 14 dịch vụ, theo đánh giá của Cục CĐSQG tỉnh An Giang có 7/17 dịch vụ đạt tỷ lệ 41.18%. Nguyên nhân: 07 dịch vụ đã kết nối nhưng chưa phát sinh giao dịch thường xuyên nên chưa được ghi nhận.

- Tiêu chí 7.3.2 Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt 0,7695/ 1 điểm (mất 0,2305 điểm). Đây là tiêu chí điều tra xã hội học.

**II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ TRONG NĂM 2024**

Bên cạnh một số kết quả đạt được, thời gian qua, việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của Tỉnh cũng còn gặp không ít khó khăn dẫn đến nhiều nội dung, nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đã đề ra: hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu, nguồn nhân lực cho chuyển đổi số còn thiếu, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến chưa cao, cán bộ, công chức chưa đảm bảo triển khai đúng quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định…

***Kính thưa Hội nghị, để triển khai hiệu quả công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh, Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp sau:***

1. Nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong xã hội trong việc sử dụng DVCTT để giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử. Cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và trả kết quả bản điện tử có ký số theo quy định hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ tái sử dụng thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trước đó và giải quyết hồ sơ TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

2. Quan tâm, theo dõi thường xuyên, cải thiện và nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số Chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

3. Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân và trọng tâm là hướng dẫn, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng hiệu quả dịch vụ công của tỉnh, góp phần thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 505/KH-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả DVCTT năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang

4. Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các Hệ thống thông tin của Tỉnh nhất là Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trục LGSP, Cổng dữ liệu mở của tỉnh và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm nội bộ tỉnh. Các ngành chủ động, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo tích hợp, kết nối và chia sẽ dữ liệu thông suốt giữa các hệ thống Hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai, Cổng dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống phần mềm chuyên ngành theo hướng dẫn từ Bộ, ngành Trung ương.

5. Đến nay, DVCTT đã dảm bảo tỷ lệ tích hợp đạt 100% với Cổng quốc gia theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 và Quyết định 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, có nhiều thủ tục hành chính đã bãi bỏ, thay thế. Do đó, các ngành, các cấp tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh danh mục để đảm bảo 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, rà soát đảm bảo tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng quốc gia đạt tỷ lệ 100% (hiện nay là 92,41%).

6. Tiếp tục khai thác có hiệu quả các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã đưa vào sử dụng chính thức: các dịch vụ có phát sinh giao dịch thường xuyên[[22]](#footnote-22) và dịch vụ dữ liệu chưa phát sinh giao dịch thường xuyên trong năm 2022[[23]](#footnote-23). Tiếp tục duy trì và đảm bảo kết nối đầy đủ các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

7. Các ngành tiếp tục nghiên cứu, phối hợp các địa phương triển khai thực hiện các chính sách, mô hình nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng DVCTT, dịch vụ BCCI.

8. Rà soát, đảm bảo trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác tiếp nhận, số hóa hồ sơ giải quyết TTHC (máy tính, máy scan, chứng thư số,…). Công bố, công khai và cập nhật đầy đủ, kịp thời danh mục TTHC, quy trình nội bộ điện tử, biểu mẫu điện tử (mẫu đơn, tờ khai) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang.

Trên đây là báo cáo tham luận về “***Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số năm 2024”.***

Kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt!

Kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

**THAM LUẬN**

## Giải pháp và lộ trình dừng công nghệ di động 2G trên địa bàn tỉnh An Giang

Việt Nam là một trong những quốc gia “đi tắt đón đầu” trong việc ứng dụng công nghệ mới giữa thời điểm mạng analog vẫn còn phổ biến khi áp dụng mạng 2G từ năm 1993. Sau gần 30 năm, mạng 2G đã lạc hậu, không theo kịp sự phát triển của các dịch vụ viễn thông cũng như nhu cầu truy cập internet tốc độ cao, dung lượng lớn để giải quyết các thủ tục hành chính, làm việc, kinh doanh, mua bán trên các sàn thương mại điện tử, giải trí,… Bên cạnh đó, mạng 2G đã bộc lộ nhiều lỗ hổng bảo mật thông tin đang bị tổ chức tội phạm mạng tận dụng khai thác, tiềm ẩn rủi ro thiệt hại cho người dùng.

Từ thực tế trên đòi hỏi phải có những giải pháp thay thế mạng di động mới mạnh hơn, nhanh hơn, an toàn hơn. Từ năm 2020, Việt Nam được xem là một trong những quốc gia đầu tiên thí điểm và ứng dụng 5G thành công với một số nhà mạng. Tuy nhiên, chi phí vận hành cùng lúc mạng 2G, 3G, 4G, 5G khá tốn kém đối với các nhà mjang. Do đó, việc tắt sóng 2G nhằm tối ưu việc quy hoạch tần số, hạ tầng mạng lưới viễn thông, chi phí vận hành nhằm đáp ứng với yêu cầu của quá trình chuyển đổi số quốc gia, xây dựng kinh tế số, xã hội số.

Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030 đặt mục tiêu phổ cập dịch vụ dịch vụ mạng di động 4G/5G và phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021- 2023, tầm nhìn năm 2050 đưa ra định hướng về phát triển hạ tầng viễn thông trong đó yêu cầu thực hiện lộ trình dừng công nghệ di động cũ (2G/3G) và Thúc đẩy việc triển khai chương trình “Mỗi người dân một máy điện thoại thông minh” là nội dung của phương án phát triển Băng rộng di động đến người sử dụng; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về chuyển đổi số tỉnh An Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đặt mục tiêu phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh đến năm 2025 và phổ cập dịch vụ mạng di động 5G và các công nghệ sau 5G đến năm 2030.

Tại Công văn số 4833/BTTTT-CVT ngày 27/9/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã định hướng lộ trình triển khai kế hoạch tắt sóng 2G trên toàn quốc. Theo đó, từ tháng 9/2026, trên mạng di động sẽ không còn thuê bao 2G. Tuy nhiên, từ tháng 9/2024 đến 9/2026, Bộ Thông tin và Truyền thông vẫn cấp phép cho các nhà mạng duy trì công nghệ 2G để cung cấp dịch vụ cho thuê bao 3G và 4G không có dịch vụ thoại. Từ tháng 9/2026, băng tần 900 MHz (đang dùng cho 2G) sẽ được thu hồi, đấu giá và cấp phép cho 4G, 5G.

Tại Tỉnh An Giang, số vị trí cột, nhà trạm BTS là 2.189 trạm (trong đó, số trạm thu phát sóng thông tin di động là 4.918 trạm và số trạm công nghệ 2G là 1.222 trạm). Tổng số thuê bao di động trên địa bàn tỉnh là 1.745.711 trong đó số lượng thuê bao 2G là 276.622 chiếm 15,4%. Thuê bao sử dụng sóng 2G chủ yếu là người cao tuổi, người dân ở vùng sâu vùng xa, khả năng tiếp cận thông tin thấp, gặp rào cản về kỹ năng và chi phí thay thế thiết bị. Do đó, để thực hiện lộ trình tắt sóng 2G, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khảo sát hiện trạng thuê bao sử dụng 2G; tích cực tuyên truyền qua nhiều kênh thông tin để người dân nắm rõ chủ trương, lộ trình tắt sóng 2G. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông xây dựng những chương trình cụ thể hỗ trợ khách hàng chuyển đổi sử dụng song 2G sang 4G. Đặt biệt, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ tăng cường quản lý không để các doanh nghiệp nhập, mua các thiết bị điện thoại di động công nghệ 2G hoặc sử dụng đồng thời công nghệ 2G, 3G nhưng không tích hợp công nghệ 4G, các thiết bị không đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 117:2023/BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp viễn thông cần thực hiện ngăn chặn nhập mạng các máy điện thoại 2G không chứng nhận hợp quy; phát triển các trạm thu phát sóng di động đảm bảo vùng phủ mạng 4G thay thế mạng 2G khi dừng hệ thống 2G và hoàn thành trước tháng 9/2026; xây dựng kịch bản chuyển đổi cụ thể với các lớp khách hàng như người già, người sống ở khu vực nông thôn có thu nhập thấp với các chương trình như hỗ trợ đổi máy, trợ giá, đi kèm các gói cước hấp dẫn để giúp thuê bao chuyển đổi lên 4G; giảm khuyến mại các dịch vụ 2G, tăng khuyến mại với người dùng 4G; bố trí nhân viên nâng cấp sim 4G cho thuê bao; trực tiếp hỗ trợ người dân cài đặt những tính năng cơ bản và hướng dẫn cách sử dụng thiết bị để không bị gián đoạn liên lạc…

Có thể thấy, việc tắt sóng 2G là xu thế tất yếu của thế giới, góp phần loại bỏ chất lượng dịch vụ thấp, giảm bớt chi phí khai thác, phù hợp với chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 là phổ cập mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh đến từng người dân Việt Nam./.

**THAM LUẬN**

## Phát triển hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên

## địa bàn tỉnh An Giang

Thời gian qua, Chuyển đổi số được Đảng và Nhà nước ta coi trọng và xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu để tạo đột phá rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045[[24]](#footnote-24).

Muốn triển khai chuyển đổi số đạt hiệu quả nói chung và phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số nói riêng thì phải phát triển hạ tầng số. Hạ tầng số bao gồm: hạ tầng viễn thông, hạ tầng IoT, hạ tầng tính toán, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng cung cấp công nghệ số như dịch vụ và các nền tảng số có tính hạ tầng[[25]](#footnote-25). Hạ tầng viễn thông hôm nay với sự phát triển giữa Viễn thông – Công nghệ thông tin (CNTT) đã chuyển mình trở thành một yếu tố thành phần quan trọng của hạ tầng số.

Trên địa bàn tỉnh An Giang hiện nay có 12[[26]](#footnote-26) doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trong đó có 03 nhà mạng ảo. Nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, các doanh nghiệp viễn thông đã quan tâm đầu tư, ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ cung ứng, góp phần đẩy mạnh các hoạt động trên môi trường điện tử, phù hợp với sự phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong tiến trình chuyển đổi ở các ngành, lĩnh vực. Hiện nay, hạ tầng mạng viễn thông của tỉnh đã phủ rộng từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều chỉnh của các cơ quan Đảng, Nhà nước; đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT của người dân, doanh nghiệp. Theo đó, việc phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả:

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh.

- 100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Số vị trí cột, nhà trạm BTS là 2.189. Trong đó, số trạm thu phát sóng thông tin di động là: 4.918 trạm.

- Phổ cập điện thoại thông minh (smartphone): thuê bao điện thoại di động: 2.430.409; thuê bao băng rộng cố định: 429.788; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 66,2%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 80,24%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%. Tỷ lệ phủ rộng mạng băng rộng cố định, tỷ lệ phủ sóng 3G/4G đạt 100% các xã toàn tỉnh. Đang khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký với tập đoàn/tổng công ty triển khai 5G tại An Giang.

- Triển khai Chương trình viễn thông công ích giai đoạn 2010-2020 và 2021- 2030 cũng đã hỗ trợ cho việc duy trì khả năng tiếp cận dịch vụ internet băng rộng cho UBND các xã, trạm y tế, các trường học thuộc các vùng được cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo quyết định công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông từ nguồn Quỹ Viễn thông công ích. Các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh cũng được hỗ trợ cước viễn thông, cước internet, thiết bị đầu cuối truyền hình số từ chương trình này, giúp cho việc tiếp cận các dịch vụ CNTT, viễn thông, truyền hình của người dân được thuận lợi.

Nhằm đẩy mạnh phát triển hạ tầng số nói chung và hạ tầng viễn thông nói riêng phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 21/12/2023 phát triển hạ tầng số tỉnh An Giang giai đoạn 2023 – 2025. Theo đó, để việc triển khai phát triển hạ tầng số nói chung và hạ tầng viễn thông đạt hiệu quả cao, trong năm 2024 cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp:

- Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đến năm 2025 và các giai đoạn tiếp theo đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh, Chiến lược Hạ tầng số quốc gia.

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu… trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch của doanh nghiệp.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G và thế hệ tiếp theo) trên địa bàn tỉnh; triển khai dừng công nghệ di động 2G theo lộ trình của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến.

- Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số, đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng số; Tạo mối liên kết về nhân lực giữa cơ sở đào tạo, nghiên cứu với các doanh nghiệp viễn thông (DNVT), doanh nghiệp công nghệ số…

- Tăng cường bảo vệ quyền lợi người sử dụng. Tiếp nhận và giải quyết kịp thời, đúng quy định các khiếu nại, vướng mắc của người dân khi sử dụng các dịch vụ số. Xử lý triệt để tình trạng rác viễn thông (SIM rác, tin nhắn rác, cuộc gọi rác, thư điện tử rác). Đảm bảo chất lượng dịch vụ; giải quyết tranh chấp; ngăn chặn, xử lý thông tin giả mạo, lừa đảo trong lĩnh vực viễn thông.

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh cho các tình huống xấu nhất.

- Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng.

- Ban hành bộ tiêu chí đo lường, quản lý, giám sát hạ tầng số. Hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường, giám sát triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng số đặt ra tại địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tổ chức các Hội thảo, hội nghị về hạ tầng số, kết hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến và khích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng số từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới:

+ Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

+ Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước./.

**THAM LUẬN**

## Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vựcXây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang năm 2024

Hội nghị sơ kết công tác Đảng, chính quyền 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024; Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tham luận về “***Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số năm 2024”***, như sau:

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

Hàng năm, Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông tham mưu lãnh đạo Sở trình UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tham mưu công tác phối hợp, góp ý hoàn thiện Kế hoạch CCHC tỉnh và xác định lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình/Kế hoạch CCHC của tỉnh.

**Trong thời gian qua, việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang đạt được kết quả như sau:**

Theo kết quả được công bố, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2023 đạt 81,32%, xếp hạng 63/63 tỉnh, thành phố của cả nước (thuộc nhóm B với kết quả Chỉ số từ 80% - dưới 90%, gồm 56 tỉnh, thành phố), giảm 21 hạng so với năm 2022.

Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá lĩnh vực Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh An Giang, đạt 11,9112 điểm/13,5 điểm tăng 1.14 điểm và xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố - tăng 11 hạng so với năm 2022 (10.77 điểm và xếp hạng 20). Để đạt được kết quả đó là nhờ sự đồng lòng, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, nhất là cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp, tạo sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp trong phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Một số kết quả nổi bật như sau:

1. Tỉnh đã đảm bảo triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định tại Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0. Trung tâm tich hợp dữ liệu tỉnh đến nay cơ bản đã triển khai và đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định.

2. Hạ tầng Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp; Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 66,2%; Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh: 74,7%; Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 80,24%.

3. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang được xây dựng tập trung, thống nhất tại địa chỉ: https://dichvucong.angiang.gov.vn và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; Thực hiện cung cấp dịch vụ công đáp ứng đầy đủ theo danh mục quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh ban hành. Tỉnh đã thực hiện đồng bộ, tích hợp 100% DVCTT một phần và DVCTT toàn trình của tỉnh (1.348 dịch vụ[[27]](#footnote-27)) trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt 97,4%. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 80,76% (chưa đạt tỷ lệ 100%[[28]](#footnote-28)). Tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 35,7% (chưa đạt tối thiểu 45%[[29]](#footnote-29)).

Triển khai quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đến 100% Bộ phận Một cửa các cấp, tỷ lệ số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC đạt 44,73%. Trong đó, cấp tỉnh: 93,87% (đạt trên 30%), cấp huyện: 33,11% (đạt trên 20%), cấp xã: 41,41% (đạt trên 15%).

4. Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành triển khai đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (đảm bảo kết nối 100% sở, ban, ngành và tương đương, UBND các cấp), góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lần lượt được xử lý trên môi trường mạng: 99% (Đạt trên 80%), 98,4% (Đạt trên 50%) và 92,3%.

5. Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS) đã kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ và thực hiện gửi số liệu báo cáo định kỳ hằng tháng đối với 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Tỷ lệ báo cáo của CQNN được thực hiện trực tuyến đạt 100%.

6. Cổng thông tin điện tử tỉnh được nâng cấp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định, thực hiện công bố, công khai và cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin của cơ quan nhà nước cho tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng theo quy định và đã được chuyển đổi sang công nghệ IPv6; kết nối với Hệ thống thu thập đánh giá việc sử dụng thông tin và dịch vụ công trực tuyến (Hệ thống Tracking EMC).

7. Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP) thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống nội bộ tỉnh; Liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (Nền tảng NDXP)[[30]](#footnote-30). Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng NDXP đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức là 7/17 dịch vụ.[[31]](#footnote-31)

8. Nguồn nhân lực số: Thiết lập mạng lưới công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số, và xã hội số đến xã, phường, thị trấn, khóm, ấp: Đã thành lập 1.035 Tổ công nghệ số cộng đồng, có 7.991 thành viên tham gia.

9. Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử: Tuyên tuyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Cổng thông tin điện tử thành phần; Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh An Giang tại địa chỉ <https://dti.angiang.gov.vn/>; Phát hình chuyên mục “Chuyển đổi số và Truyền thông”…

**II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

Bên cạnh một số kết quả đạt được, thời gian qua, việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số của Tỉnh cũng còn gặp không ít khó khăn dẫn đến nhiều nội dung, nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu, mục tiêu đã đề ra: hạ tầng công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu, nguồn nhân lực cho chuyển đổi số còn thiếu, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến chưa cao; cán bộ, công chức chưa đảm bảo triển khai đúng quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định…

Một số tiêu chí bị mất điểm do nguyên nhân khách quan:

- Tiêu chí 7.1.2 Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đạt 0.5/1 điểm (mất 0.5 điểm). Lý do bị mất điểm ở tiêu chí này là do Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ chưa sẵn sàng để kết nối nên các địa phương không thể kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Tiêu chí 7.1.4 Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức đạt 0,4118/1 điểm (mất 0.5882 điểm). Lý do: Tỉnh An Giang đã thực hiện kết nối 14 dịch vụ, theo đánh giá của Cục CĐSQG tỉnh An Giang có 7/17 dịch vụ đạt tỷ lệ 41.18%. Nguyên nhân: 07 dịch vụ đã kết nối nhưng chưa phát sinh giao dịch thường xuyên nên chưa được ghi nhận.

- Tiêu chí 7.3.2 Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt 0,7695/ 1 điểm (mất 0,2305 điểm). Đây là tiêu chí điều tra xã hội học.

**III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ TRONG NĂM 2024**

***Kính thưa Hội nghị, để triển khai hiệu quả công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh, Phòng Công nghệ thông tin – Bưu chính – Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp sau:***

1. Nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong xã hội trong việc sử dụng DVCTT để giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử. Cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ và trả kết quả bản điện tử có ký số theo quy định hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ lệ tái sử dụng thông tin, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trước đó và giải quyết hồ sơ TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

2. Quan tâm, theo dõi thường xuyên, cải thiện và nâng cao Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số Chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Chú trọng một số chỉ tiêu quan trọng: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, Thực hiện thanh toán trực tuyến và Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, phấn đấu đạt tỷ lệ 100%.

3. Phát huy vai trò và hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến người dân và trọng tâm là hướng dẫn, hỗ trợ người dân khai thác, sử dụng hiệu quả dịch vụ công của tỉnh, góp phần thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch số 505/KH-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả DVCTT năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang

4. Tiếp tục triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử đáp ứng theo Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số.

5. Nâng cấp, hoàn thiện các Hệ thống thông tin của Tỉnh nhất là Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trục LGSP và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm nội bộ tỉnh. Các ngành chủ động, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo tích hợp, kết nối và chia sẽ dữ liệu thông suốt giữa các hệ thống Hệ thống thông tin do bộ, ngành Trung ương triển khai, Cổng dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống phần mềm chuyên ngành theo hướng dẫn từ Bộ, ngành Trung ương.

6. Đến nay, DVCTT đã dảm bảo tỷ lệ tích hợp đạt 100% với Cổng quốc gia theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 và Quyết định 2856/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, có nhiều TTHC đã bãi bỏ, thay thế. Do đó, các ngành, các cấp tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh danh mục để đảm bảo 100% dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, rà soát đảm bảo tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng quốc gia đạt tỷ lệ 100% (Đến nay đạt tỷ lệ 92,41%).

7. Tiếp tục khai thác có hiệu quả các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đã đưa vào sử dụng chính thức: các dịch vụ có phát sinh giao dịch thường xuyên[[32]](#footnote-32) và dịch vụ dữ liệu chưa phát sinh giao dịch thường xuyên trong năm 2022[[33]](#footnote-33). Tiếp tục duy trì và đảm bảo kết nối đầy đủ các dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)[[34]](#footnote-34).

8. Các ngành tiếp tục nghiên cứu, phối hợp các địa phương triển khai thực hiện các chính sách, mô hình nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng DVCTT, dịch vụ BCCI.

9. Rà soát, đảm bảo trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác tiếp nhận, số hóa hồ sơ giải quyết TTHC (máy tính, máy scan, chứng thư số,…). Công bố, công khai và cập nhật đầy đủ, kịp thời danh mục TTHC, quy trình nội bộ điện tử, biểu mẫu điện tử (mẫu đơn, tờ khai) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang.

Trên đây là báo cáo tham luận về “***Giải pháp cải thiện chỉ số Cải cách hành chính lĩnh vực Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số năm 2024”.***

Kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt!

Kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

5. Nội dung bài tham luận Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyềnthông

## Hạ tầng trung tâm dữ liệu phục vụ công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh An Giang Triển khai hệ thống thông tin điều hành cấp Phường/xã hướng đến xã Nông thôn mới thông minh Thoại Giang.

# 6. Nội dung bài tham luận Văn phòng

## Triển khai những điểm mới của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022

Kính thưa: - Đồng chí Lê Quốc Cường, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Sở TTTT;

- Đồng chí Nguyễn Thanh Hải, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở TTTT;

- Đồng chí Võ Minh Tuấn, Ủy viên BTV Đảng ủy, Phó Giám đốc Sở TTTT;

- Các đồng chí lãnh đạo các đơn vị; đảng viên, công chức, viên chức và người lao động Sở TTTT.

Được sự phân công của Ban Tổ chức hội nghị, đại diện Văn phòng Sở, tôi xin trình bày một số điểm mới nội sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 và Luật Thi đua khen thưởng 2003, cụ thể như sau:

**1. Bổ sung đối tượng áp dụng tại Điều 2**

Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung đối tượng của thi đua, khen thưởng là “hộ gia đình”; “tập thể người Việt nam định cư ở nước ngoài”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Phạm vi điều chỉnh | **Điều 2.**  Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và cá nhân, tập thể người nước ngoài. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Luật này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, **hộ gia đình** người Việt Nam; **cá nhân,** **tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài**; cá nhân, tập thể người nước ngoài. |

**2. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 làm rõ thêm một số khái niệm tại Điều 3**

- Thi đua: Bổ sung nội dung: “**Do người có thẩm quyền phát động**”

- Danh hiệu thi đua: Bổ sung nội dung: “**khuyến khích bằng lợi ích vật chất”**và bổ sung đối tượng được nhận danh hiệu thi đua:**“hộ gia đình”**

- Khen thưởng: Bổ sung đối tượng khen thưởng là “**hộ gia đình**”

- Làm rõ khái niệm sáng kiến; Bộ, ban, ngành, tỉnh và kỷ niệm năm “tròn”: Năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Giải thích từ ngữ | **Điều 3.**Trong Luật này, các từ ngữ dưới đâyđược hiểu như sau:  1. Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  2. Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  3. Danh hiệu thi đua là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**    1.Thi đualà hoạt động có tổ chức**do người có thẩm quyền phát động**với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.    2.Danh hiệu thi đualà hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh**và khuyến khích bằng lợi ích vật chất**đối vớicá nhân, tập thể, **hộ gia đình** có thành tích trong thi đua.    3.Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể, **hộ gia đình** có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  **4.Sáng kiến là giải pháp có tính mới về kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực đã được áp dụng tại cơ sở, có khả năng nhân rộng và được cấp có thẩm quyền công nhận.**  **5. Bộ, ban, ngành, tỉnh bao gồm Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Văn phòng Trung ương Đảng, các ban của Đảng và tương đương ở trung ương; Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Kiểm toán nhà nước; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**  **6. Năm tròn là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”.** |

**3. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung mục tiêu khen thưởng tại Điều 4**

- Bổ sung một số nội dung mục tiêu của thi đua: Bổ sung đối tượng là “**Hộ gia đình**”; mục tiêu phát huy truyền thống yêu nước, “**đoàn kết, đổi mới”** và **đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**…

- Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 mới chỉ dừng lại quy định ở mục tiêu của thi đua mà chưa quy định mục tiêu của khen thưởng. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung quy định về mục tiêu của khen thưởng tại khoản 2, Điều 4.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Mục tiêu của thu đua, khen thưởng | **Điều 5**  Mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. | **Điều 4. Mục tiêu của thi đua, khen thưởng**  1. Mục tiêu của thi đua là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, **hộ gia đình**phát huy truyền thống yêu nước, **đoàn kết, đổi mới**, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, **đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc** vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.  **2. Mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.** |

**4.**[**Luật Thi đua, khen thưởng 2022**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Thi-dua-Khen-thuong-2022-418232.aspx) đã bổ sung nguyên tắc “minh bạch” trong thi đua, khen thưởng; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Đảm bảo bình đẳng giới trong thi đua khen thưởng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Nguyên tắc thi đua, khen thưởng | **Điều 6**  1. Nguyên tắc thi đua gồm:  a) Tự nguyện, tự giác, công khai;  b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.  2. Nguyên tắc khen thưởng gồm:  a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;  b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;  c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;  d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.    3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.” | **Điều 5.** Nguyên tắc thi đua, khen thưởng  1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:  a) Tự nguyện, tự giác, công khai, **minh bạch**;  b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.  2.Việc khen thưởng được thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:  a) Chính xác, công khai, **minh bạch**, công bằng, kịp thời;  b) **Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được**;  c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được**; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;**  d) **Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn**.  3.Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng**.** |

**5. Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013 không quy định các loại hình khen thưởng trong luật, nội dung này giao Chính phủ quy định; Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định các loại hình khen thưởng. Đến Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã bổ sung quy định các loại hình khen thưởng vào Luật, được quy định tại Điều 8.**

- Khen thưởng đối ngoại trước đây chỉ quy định khen cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực. Nay, bổ sung khen thưởng cho “**tập thể, cá nhân Người Việt nam định cư ở nước ngoài**”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Các loại hình khen thưởng | **Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP**  1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.  2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.  3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.  Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.  Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.  4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.    5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.  6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác. | **Điều 8. Các loại hình khen thưởng**  1. Khen thưởng công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  2. Khen thưởng đột xuất là khen thưởngkịp thờicho cá nhân, tập thể, hộ gia đìnhlập được thành tích xuất sắc đột xuất.  3. Khen thưởngphong tràothi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đìnhcó thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua docấpcó thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặcthi đua theochuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.              4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trìnhtham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệpcông lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.  5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, cóquá trình công tác tronglực lượng vũ trang nhân dân.  6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho **cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài**; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. |

**6. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bỏ hình thức khen thưởng “Huy hiệu” tại Điều 9**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Hình thức khen thưởng | **Điều 8. Các hình thức khen thưởng gồm:**  1. Huân chương;  2. Huy chương;  3. Danh hiệu vinh dự nhà nước;  4. "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước";  5. Kỷ niệm chương, **Huy hiệu;**  6. Bằng khen;  7. Giấy khen. | **Điều 9. Hình thức khen thưởng**  1. Huân chương.  2. Huy chương.  3. Danh hiệu vinh dự nhà nước.  4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”.  5. Kỷ niệm chương.  6. Bằng khen.  7. Giấy khen. |

**7. Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 quy định căn cứ xét tăng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng tại Điều 10; Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** tách ra quy định riêng thành 02 điều Điều 7 quy định căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và Điều 10 căn cứ xét khen thưởng. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bỏ căn cứ “**Đăng ký tham gia thi đua**”.**Căn cứ xét khen thưởng sử dụng từ “Thành tích đạt được” thay “phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích”; sử dụng từ “Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích” thay “trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích”.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| **Căn cứ xét thi đua, khen thưởng** | **Điều 10**  1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua:  a) Phong trào thi đua;  b) Đăng ký tham gia thi đua;  c) Thành tích thi đua;  d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.  2. Căn cứ xét khen thưởng:  a) Tiêu chuẩn khen thưởng;  b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;  c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích. | **Điều 7. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua**    1. Phong trào thi đua.  2. Thành tích thi đua.  3. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.    **Điều 10. Căn cứ xét khen thưởng**  1.**Thành tích đạt được**.  2.Tiêu chuẩn khen thưởng.  3. **Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.** |

**8. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền; Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác; các cơ quan thông tin đại chúng trong tổ chức, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại các điều 9, 12, 13, 19. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 được tổng hợp quy định chung vào Điều 13. Trong đó quy định rõ “Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng…”. Ngoài ra, Luật mới cũng đã bổ sung quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định như trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nêu trên, đồng thời bổ sung vai trò Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng**.

- Đưa quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng quy định tại Điều 19 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003 vào quy định tại khoản 5 Điều này; quy định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng: “**tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng**”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Trách nhiệm của Cơ quan, tổ chức, cá nhân; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác và Các cơ quan thông tin đại chúng | **Điều 9**  Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyềncó trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởngtheo quy định của pháp luật.                  **Điều 12**  Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:  1. Tuyên truyền, động viên các thành viêncủa mình và tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên nhândân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;  2. Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan nhànước tổ chức **các cuộc vận động**, các phong trào thi đua;  3. Giám sát việc thực hiện pháp luật vềthi đua, khen thưởng.    **Điều 13**  Các cơ quan thông tin đại chúng có tráchnhiệm thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, cổ động phong trào thi đua, khen thưởng.            **Điều 19**  Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởngcó trách nhiệm:  1. Tham mưu, đề xuất chủ trương trong công tác thi đua;  2. Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;  3. Hướng dẫn tổ chức thi đua và kiểm tra thực hiện;  4. Tham mưu việc sơ kết, tổng kết, đềxuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng. | **Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng**  **1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng.**  **2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng.**  3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và có trách nhiệm sau đây:  a) Tuyên truyền, **vận động**, động viên các **đoàn viên, hội viên** và Nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng;  b) Tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua;  **c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng**.  4. Cơ quan báo chí có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và thường xuyên tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; tích cực tham gia phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc; phổ biến, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, góp phần cổ vũ, khích lệ phong trào thi đua. Công tác tuyên truyền phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kịp thời phản ánh, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.  5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm sau đây:  a) Tham mưu, đề xuất thực hiện công tác thi đua, khen thưởng;  b) Tham mưu phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung thi đua;  c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; **tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng**;  d) Tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua. |

**9. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung quy đinh về các hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng tại Điều 15: cụ thể hành vi:**

- Tiêu cực trong công tác thi đua, khen thưởng.

- Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.

- Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Hành vi bị nghiêm cấm | **Điều 14.**  Nghiêm cấm các hành vi sau đây:  1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;  2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;  3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;  4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;  5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng. | **Điều 15. Hành vi bị nghiêm cấm trong thi đua, khen thưởng**  1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.  2. Cản trở, nhũng nhiễu, **tiêu cựctrong công tác thi đua, khen thưởng**.  3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.  4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết địnhtặng danh hiệu thi đua, hình thứckhen thưởng trái pháp luật.  **5. Sử dụng hiện vật khen thưởng trái thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, tác động xấu đến xã hội.**  **6. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng trái quy định của pháp luật.** |

**10. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** thay đổi cụm từ “thi đua theo đợt” thành “thi đua theo chuyên đề”; bổ sung quy định về phạm vi thi đua “**Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp tổ chức**” và thi đua trong “**cơ quan, tổ chức, đơn vị**” cho phù hợp với công tác tổ chức phong trào thi đua hiện nay (Điều 16)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua | **Điều 15**  1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:  a) Thi đua thường xuyên;  b) Thi đua theo đợt.  2. Phạm vi thi đua gồm:  a) Toàn quốc;  b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương và cơ sở. | **Điều 16. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua**  1. Hình thức tổ chức thi đua gồm:  a) Thi đua thường xuyên;  **b) Thi đua theo chuyên đề.**  2. Phạm vi tổ chức thi đua gồm:  a) Toàn quốc;  b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể,địa phương;  **c) Cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp tổ chức;**  d) **Cơ quan, tổ chức, đơn vị**. |

**11. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung thêm một số nội dung tổ chức phong trào thi đua tại Điều 17**

- Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua.

- Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Nội dung tổ chức phong trào thi đua | **Điều 16**  Nội dung tổ chức phong trào thi đua gồm:  1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng và nội dung thi đua;  2. Xác định chỉ tiêu, khẩu hiệu và thời hạn thi đua;  3. Xác định biện pháp tổ chức phong trào thi đua;  4. Phát động, chỉ đạo thực hiện phong trào thi đua;  5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng thi đua. | **Điều 17. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**  1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung và tiêu chí, thời gian, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua.  2. Phát động, triển khai, thực hiện phong trào thi đua.  **3. Kiểm tra, giám sát phong trào thi đua.**  **4. Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến.**  5. Sơ kết, tổng kết và khen thưởng. |

**12. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung thêm danh hiệu thi đua đối với tập thể là: Xã, phường, thị trấn tiêu biểu tại Điều 20**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu thi đua | **Điều 20**  2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:  a) "Cờ thi đua của Chính phủ";  b) Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;  c) "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng";  d) "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến";  đ) Danh hiệu thi đua đối với thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương là thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hoá.  3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là "Gia đình văn hoá".  4. Các danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm hoặc theo đợt. | **Điều 20. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình**  1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm:  a) “Cờ thi đua của Chính phủ”;  b) Cờ thi đuacủa Bộ, ban, ngành, tỉnh;  c) “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”;  d) “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”;  **đ) Xã, phường, thị trấn tiêu biểu;**  e) Thôn, tổ dân phốvăn hóa.  2. Danh hiệu thi đua đối vớihộgia đình là “Gia đìnhvăn hóa”. |

**13. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** bổ sung và làm rõ điều kiện để tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; thẩm quyền xem xét, công nhận sáng kiến, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại Điều 21.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Chiến sĩ thi đua toàn quốc | **Điều 21**  Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. | **Điều 21. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**  1.Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sauđây:  a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có02lần liên tục được tặng danh hiệuchiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;  **b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.**  **2.Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.**  **Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởngtrong toàn quốc.** |

**14. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** bổ sung và làm rõ điều kiện để tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh; thẩm quyền xem xét, công nhận sáng kiến, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại Điều 22 để phù hợp với quy định về Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh | **Điều 22**  Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở". | **Điều 22. Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh**  1.Danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;  **b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượng Công an nhân dân.**  **2. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quảvà khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởngtrong Bộ,ban,ngành, tỉnh của sáng kiến, đề tàikhoa học, đề án khoa học,công trình khoa học và công nghệ.**  **Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quân hoặc toàn lực lượngCông an nhân dân.** |

**15. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022**: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đã sửa đổi: Theo quy định Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, sửa đổi năm 2013; Chiến sĩ thi đua cơ sở phải có sáng kiến được cơ sở công nhận… đồng thời phải được đánh giá, phân loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định: Chiến sĩ thi đua cơ sở Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **hoặc** có sáng kiến được cơ sở công nhận …

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” | **Điều 23**  Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu"Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến";  2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận | **Điều 23. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**  Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:  1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sĩ tiên tiến”;  2. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **hoặc** có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận. |

**16. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Lao động tiên tiến” tại Điều 24 như sau:**

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: **Hoàn thành tốt nhiệm vụ đã bao hàm các nội dung:**Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; có đạo đức, lối sống lành mạnh (theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức)

- Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” | **Điều 24**  1.Danh hiệu "Lao động tiên tiến" được xét tặng cho cán bộ, công chức, công nhân, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;  b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;  c) Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ;  d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh. | **Điều 24. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”**  1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao độngđạt các tiêu chuẩn sauđây:  **a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;**  **b) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.** |

**17. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** quy định về danh hiệu “**Cờ thi đua của Chính phủ**” tại Điều 25, được quy định cụ thể, gồm 03 loại như sau:

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức

- Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Cờ thi đua của Chính phủ | **Điều 25**  "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Có thành tích, hoàn thành vượt mức cácchỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;  2. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;  3. Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việcthực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hộikhác. | **Điều 25. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**  1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Có thành tích xuất sắc, hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;  b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.  2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.  3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.  4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. |

**18. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 đã sửa đổi quy định về tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh, được chia thành 02 loại:**

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho **tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua** do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức

- Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh | **Điều 26**  Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được xét tặng cho tập thể thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt các tiêu chuẩn sau:  1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thiđua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc củacấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;  **2. Có nhân tố mới, mô hình mới để cáctập thể khác thuộc bộ, ngành*,*cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chínhphủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương học tập;**  3. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hànhtiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. | **Điều 26. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh**  1. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hằng năm cho **tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua** do Bộ, ban, ngành, tỉnh tổ chức và đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;  b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.  2. Danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.  3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh. |

**19. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định về danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” tại Điều 27 như sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Tập thể lao động xuất sắc | **Điều 27**  1. Danh hiệu "Tập thể lao động xuấtsắc" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắcn hiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;  b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;  c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";  d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" **và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;**  đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hànhchủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.  2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhândân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điềunày có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đócó ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" thìđược xét tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng". | **Điều 27. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”**  1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;  b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;  c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;  d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;  đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.        2. Danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này, có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”.  **3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng**”. |

**20. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** quy định về danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” tại Điều 28; trong đó nâng tỷ lệ cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” từ có trên 50% lên có ít nhất 70%.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu | **Điều 28**  1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiêntiến" được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạchđược giao;  b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;  c) Có trên **50%** cá nhân trong tập thể đạtdanh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;  d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủtrương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.    2. Tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhândân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều nàycó trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiêntiến" thì được xét tặng danh hiệu "Đơn vị tiên tiến". | **Điều 28. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”**  1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;  b) Tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;  c) Có ít nhất là **70%**cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;  d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.  2. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” để tặng cho tập thể thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này, có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.  3. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”. |

**21. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022**   bổ sung danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu (Đây là danh hiệu lần đầu được quy định trong Luật Thi đua, khen thưởng). Đối với danh hiệu này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu |  | **Điều 29. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu**  1. Danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu để tặng hằng năm cho xã, phường, thị trấn dẫn đầu phong trào thi đua cấp huyện và đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giao;  b) Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;  c) Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;  d) Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp;  đ) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.  2. **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định**. |

**22. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định tặng “Huân chương sao vàng” tại Điều 34**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Huân chương Sao vàng | **Điều 34**  1."Huân chương Sao vàng" là huân chương cao quý nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  2. "Huân chương Sao vàng" để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;  b) Có công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước ở một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, ngoại giao hoặc các lĩnh vực khác.  3. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” và 25 năm tiếp theo liên tục lập được thành tích đặc biệt xuất sắc; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.  4. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho Nguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối với đất nước Việt Nam.” | **Điều 34. “Huân chương Sao vàng”**  1. “Huân chương Sao vàng” làhuân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  2. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhânchấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vàđạt một trong các tiêu chuẩn sauđây:  a) Có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc;  b) Có nhiều công lao to lớn, đặc biệt xuất sắc đối với đất nước thuộc một trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc lĩnh vực khác.    **3. “Huân chươngSao vàng” để tặng choBộ, ban, ngành, tỉnh, cơ quan của Quốc hội** đạt các tiêu chuẩn sau đây:  a) Đã được tặng “Huân chươngHồ Chí Minh” và sau đó có liên tục từ25 nămtrở lên đến thời điểm đề nghị lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới tiêu biểu cho cả nước học tập;  b) Có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.  **4. “Huân chương Sao vàng” để tặng cho quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đươngthuộc Bộ Quốc phòng, hệ lực lượng trong Công an nhân dân, tổng cục và tương đương thuộc Bộ, ban, ngành**đạt các tiêu chuẩn sauđây:  a) Đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” và sau đó có liên tục từ 25 năm trở lên đến thời điểm đề nghịlập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng rộng và có nhân tố mới tiêu biểu cho cả nước học tập;  b) Có bề dày truyền thống, có công lao to lớn trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.  5.Tập thể đã được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lầntiếp theothì thời gian và tiêu chuẩn đề nghị tặng “Huân chương Sao vàng” được tính từ khi được tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần gần nhất.  6. **“Huân chương Sao vàng” để tặng chonguyên thủ quốc gia nước ngoài có công lao to lớn đối vớinước Cộng hòa xã hội chủ nghĩaViệt Namđược Bộ, ban, ngành công nhận và đề nghị**.  7. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Sao vàng” đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. |

**23. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định cụ thể khen thưởng đối với người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam:**

- Đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh (Điều 35)

- Cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập các hạng (Điều 36, 37 và Điều 38)

- Huân chương Lao động các hạng (Điều 42, 43 và Điều 44).

- Quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Hữu nghị” Khoản 1 Điều 53

- Quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Huy chương Hữu nghị (Điều 58).

- Quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” tại Khoản 2 Điều 68

- Quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tại Khoản 7 Điều 73

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Điều 35. Huân chương Hồ Chí Minh** | Bổ sung khoản 5 Điều 35 Huân chương Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:    **5. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng cho người nước ngoài có công lao to lớn đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành công nhận và đề nghị.** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Điều 36, Điều 37, Điều 38 (**Huân chương Độc lập các hạng) | Bổ sung khen thưởng “Huân chương Độc lập” đối với người nước ngoài tại Khoản 4 Điều 36, Khoản 4 Điều 37, Khoản 4 Điều 38 (Huân chương Độc lập các hạng), cụ thể:  - Tại khoản 4 Điều 36: **“Huân chương Độc lập” hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.**  - Tại khoản 4 Điều 37: **“Huân chương Độc lập” hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có nhiều thành tích xuất sắc đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.**  - Tại khoản 4 Điều 38: **“Huân chương Độc lập” hạng Ba để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích xuất sắc đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Điều 42, Điều 43, Điều 44**(Huân chương Lao động các hạng) | Bổ sung khen thưởng đối “Huân chương Lao động” với người nước ngoài tại **Khoản 6**Điều 42, Khoản 6 Điều 43, Khoản 6 Điều 44(Huân chương Lao động các hạng), cụ thể:  - Tại Khoản 6 Điều 42: **“Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.**  - Tại Khoản 6 Điều 43:**“Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có nhiều thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.**  - Tại Khoản 6 Điều 44:**“Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Điều 51.** "Huân chương Hữu nghị" để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài, tặng cho tập thể người nước ngoài có những đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới. | Bổ sung và làm rõ hơn việc khen thưởng “Huân chương Hữu nghị” Khoản 1 Điều 53, như sau:  **1. “Huân chương Hữu nghị” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể người nước ngoài có đóng góp to lớn trong xây dựng, củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước trên thế giới và đạt các tiêu chuẩn sau đây:**  **a) Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp, phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam;**  **b) Có đóng góp to lớn trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước hoặc công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Việt Nam; có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác tốt đẹp và toàn diện giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận và đề nghị.** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Điều 57.** "Huy chương Hữu nghị" để tặng cho người nước ngoài có thời gian làm việc tại Việt Nam, có nhiều đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. | Bổ sung và làm rõ hơn việc khen thưởng "Huy chương Hữu nghị" Khoản 1 Điều 58, như sau:  **1. “Huy chương Hữu nghị” để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài thuộc đối tượng sau đây:**  **a) Người nước ngoài trong các cơ quan, tổ chức thuộc Nhà nước, Chính phủ nước ngoài tương đương Bộ, ban, ngành, tỉnh; tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia với tư cách là thành viên hoặc có quan hệ đối tác; hội hữu nghị của các nước với Việt Nam; hội hữu nghị cấp tỉnh, bang, thành phố của các nước có quan hệ đối tác đặc biệt, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với Việt Nam; cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng, cơ quan đại diện thường trú của các tổ chức quốc tế, tổ chức thuộc hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam; tổ chức phi chính phủ nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam;**  **b) Lãnh sự Danh dự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài có thời gian đảm nhiệm chức vụ từ 03 năm trở lên;**  **c) Người nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này nhưng có thời gian đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ 05 năm trở lên.** |
| Khen thưởng đối với người nước ngoài | **Khoản 2 Điều 66.** “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”  2. "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng nhà nước" cũng được tặng cho người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam. | Bổ sung và làm rõ hơn việc khen thưởng “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” tại Khoản 2 Điều 68 như sau:  **2. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” để tặng hoặc truy tặng cho người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam, là tác giả hoặc đồng tác giả của tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam.** |

**24. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** bỏ quy định về tặng “Huy hiệu” tại Điều Điều 5 nêu trên. Điều 72 quy định về tặng Kỷ niệm chương: Đã bổ sung quy định rõ ràng, cụ thể hơn về Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh … ;

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Kỷ niệm chương | **Điều 69**  Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.  **Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.**  **Tên Kỷ niệm chương, tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương, Huy hiệu do bộ, ban, ngành, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Kỷ niệm chương, Huy hiệu phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương** | **Điều 71. Kỷ niệm chương**  1. Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội. Tên kỷ niệm chương, đối tượng, tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.  2. Kỷ niệm chương để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Bộ, ban, ngành, tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương.  **Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Bộ, ban, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương quy định.  3. Tên kỷ niệm chương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương. |

**25. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** đã bổ sung nhiều quy định về đối tượng, các trường hợp được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ; tiêu chuẩn được tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ trong từng trường hợp cụ thể để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân dễ nghiên cứu, thực hiện, như:

- Sửa tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Thủ tướng chính phủ thoe Luật sửa đổi năm 2013: “Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và **5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**” này sửa thành “Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và có liên tục từ **05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở**” mà **danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở**” theo quy định tại Điều 23 “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận”

- Bổ sung, chỉ rõ đối tượng được tặng:

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

+ “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Bằng khen của Thủ tướng chính phủ | **Điều 71**  1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;  b) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;  c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp huyện hoặc tương đương.                                          2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đoàn thể trung ương;  b) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;  c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 5 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.” | **Điều 73. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”**  1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:  a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét trong phong trào thi đua;  b) Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh **và có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong thời gian đó có 03 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở**”;  c) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc được giải thưởng ở khu vực;  **d) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo**.  **2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho công nhân, nông dân, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của** **Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:**  a) Đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này;  b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực, ngành, nghề;  c) Công nhân có sáng kiến mang lại lợi ích giá trị cao, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp đểnâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;  d) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định từ 02 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện và giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.  **3. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.**  4. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:  a) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ, ban, ngành, tỉnh;  **b) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo**;  c) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức;  **d) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu, được bình xét khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động hoặc phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên;**  **đ) Có thành tích xuất sắc trong phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước;**  e) Đã được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh và sau đó có liên tục từ 05 năm trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, trong thời gian đó có 01 lần được tặng cờ thi đua của Bộ, ban, ngành, tỉnh hoặc có 02 lần được tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh.  **5. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 4 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.**  **6. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.**  **7. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán tốt đẹp của Việt Nam và có thành tích đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận.** |

**26. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng, tiêu chuẩn tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh | **Điều 72**  1. Bằng khen của cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;  b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đoàn thể trung ương; đối với công nhân, nông dân, người lao động có nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.  2. Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:  a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;  b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương;  c) 2 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.” | **Điều 74. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh**  1.Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:  a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ, ban, ngành, tỉnh phát động;  b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;  c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;  d) **Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở** hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;  đ) **Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp**.  **2. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ban, ngành, địa phương được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhận**.  3. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:  a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;  b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ban, ngành, tỉnh;  c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;  d) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.  **4. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ban, ngành, địa phương được Bộ, ban, ngành, tỉnh công nhậ**n.  **5. Bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về** **công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.**  6. Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý. |

**27. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 bổ sung hình thức tặng và truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” tại Khoản 2, Điều 96 (Khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến), cụ thể:**

- Có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, trung thành với cách mạng, có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên.

- Thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận liệt sĩ thì được truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang |  | Bổ sung hình thức tặng và truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” tại Khoản 2, Điều 96, như sau:  2. Thực hiện tặng và truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang” đối với Thanh niên xung phong có thành tích trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, hoàn thành nhiệm vụ, trung thành với cách mạng, có thời gian tại ngũ từ 02 năm trở lên. Thanh niên xung phong hy sinh trong khi làm nhiệm vụ trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đã được công nhận liệt sĩ thì được truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”; |

**28. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 quy định cụ thể các trường hợp được thực hiện quy trình khen thưởng theo thủ tục đơn giản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Khen thưởng theo thủ tục đơn giản | **Điều 85**  1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:  a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chínhtrị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;  b) Cá nhân, tập thể lập được thành tíchxuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;  c) Thành tích, công trạng rõ ràng.                2. Việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản do Chính phủ quy định. | **Điều 85. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản**  1. Việc đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng theo thủ tục đơn giản được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:  a) Việc khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước nhằm kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;  b) Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong lao động, công tác, **sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc được giải thưởng quốc tế của khu vực hoặc thế giới**;  **c) Khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện;**  **d) Khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại;**  **đ) Khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước.**  2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. |

**29. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** đã bổ sung quy định và làm rõ hơn các trường hợp xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng tại Điều 93: Quy định Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; 2. các trường hợp Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bị hủy bỏ, hiện vật khen thưởng và tiền thưởng bị thu hồi; các trường hợp cá nhân, pháp nhân bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Thi đua khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi đua khen thưởng năm 2005; 2013** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng | **Điều 96**  1. Người nào gian dối trong việc kê khaithành tích để được khen thưởng thì bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng vàbị thu hồi hiện vật và tiền thưởng đã nhận; tuỳ theo tính chất, mức độ viphạm mà còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu tráchnhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định củapháp luật.  2. Cá nhân xác nhận sai sự thật hoặc làmgiả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng; người lợidụng chức vụ quyền hạn quyết định khen thưởng trái pháp luật thì tuỳ theotính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặcbị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theoquy định của pháp luật.                                  **Điều 97**  1. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước mà vi phạm pháp luật thì có thể bị tước danh hiệu vinh dựnhà nước đó theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ.  2. Việc tước danh hiệu vinh dự nhà nước doChủ tịch nước quyết định. | **Điều 93. Xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng**  1. Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.  2. Quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng bị hủy bỏ, hiện vật khen thưởng và tiền thưởng bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:  a) Có hành vi gian dối trong việc kê khai công trạng, thành tích để được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;  b) Cung cấp thông tin sai sự thật hoặc làm giả hồ sơ, giấy tờ để đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;  c) Thẩm định, xét, duyệt, đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trái quy định của pháp luật;  d) Có kết luận, quyết định, bản án của cơ quan có thẩm quyền về việc người đã được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có vi phạm, khuyết điểm dẫn đến không bảo đảm tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong khoảng thời gian tính thành tích hoặc liên quan đến công trình, tác phẩm là cơ sở để tặng giải thưởng.  3. Cá nhân được tặng danh hiệu vinh dự nhà nước mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bị áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.  4. Cá nhân được tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động” thời kỳ kháng chiến, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác bị áp dụng hình phạt tù chung thân hoặc tử hình hoặc tham gia hoạt động chống phá chế độ, Đảng, Nhà nước, đào ngũ, phản bội, chiêu hồi mà bị chấm dứt hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.  5. Pháp nhân thương mại được tặng danh hiệu vinh dự nhà nước mà bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước.  6. Cá nhân, pháp nhân thương mại bị tước danh hiệu vinh dự nhà nước mà sau đó có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên không có tội, miễn trách nhiệm hình sự hoặc không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này thì được phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.  7. Chủ tịch nước quyết định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước.  8. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thì có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được xét tặng.  9. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng; thủ tục tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước. |

**30. Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** bổ sung và làm rõ hơn tại Điều 67 về tiêu chuẩn tặng danh hiệu (“Nghệ nhân nhân dân”: chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 20 năm trở lên, “Nghệ nhân ưu tú”: chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 15 năm trở lên); bỏ cụm từ “phi vật thể”, thời gian xét tặng và công bố từ 02 năm lên 03 năm; Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung thay đổi** | **Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009** | **Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022** |
| Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” | **Điều 65**  1. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá **phi vật thể**.  2. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng đặc biệt xuất sắc;  c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá **phi vật thể**;  d) Được đồng nghiệp và quần chúng mến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá phi vật thể trong cả nước.  3. Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:  a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng xuất sắc;  c) Có công trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá **phi vật thể**;  d) Được đồng nghiệp, quần chúng mến mộ; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá **phi vật thể** của địa phương.  4. Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét và công bố **hai năm** một lần vào dịp Quốc khánh 2-9.” | **Điều 67.** Danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”  1. Danh hiệu “Nghệ nhânnhân dân”, “Nghệ nhânưu tú” để tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.  2.Danh hiệu “Nghệ nhânnhân dân” để tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này đã được tặng danh hiệu “Nghệ nhânưu tú” và đạt các tiêu chuẩn sauđây:  a) Trung thành với Tổ quốc; **chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước**;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt; kỹ năng đặc biệt xuất sắc; **có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 20 năm trở lên**;  c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;  d) Được đồng nghiệpvà Nhân dânmến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong cả nước.  3.Danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” để tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sauđây:  a) Trung thành với Tổ quốc; **chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước**;  b) Có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng đặc biệt xuất sắc; **có thời gian hoạt động liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa từ 15 năm trở lên;**  c) Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;  d) Được đồng nghiệpvà Nhân dânmến mộ, kính trọng; tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương.  4.Danh hiệu “Nghệ nhânnhân dân”, “Nghệ nhânưu tú” được xéttặngvà công bố **03 năm**một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánhnước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  5. Chính phủ quy định chi tiếtĐiều này. |

1. Số 367/KH-UBND ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-1)
2. Số 462/KH-UBND ngày 08/5/2024 của UBND tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-2)
3. Số 355/KH-UBND ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-3)
4. Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy; Mô hình 4: Lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp tham gia môi trường số; Mô hình 26: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) [↑](#footnote-ref-4)
5. Công văn số 650/UBND-KGVX ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh An Giang. [↑](#footnote-ref-5)
6. Quyết định số 28/QĐ-STTTT ngày 14/3/2024 [↑](#footnote-ref-6)
7. Công văn số 500/UBND-KGVX ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh về việc tuân thủ pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định số 110/QĐ-STTTT ngày 07/9/2023 của Sở TTTT về việc thành lập Tổ giám sát và xử lý thông tin trên môi trường mạng của Sở TTTT. [↑](#footnote-ref-8)
9. Số 368/UBND-KGVX ngày 27/3/2024 [↑](#footnote-ref-9)
10. Kế hoạch số 367/KH-UBND ngày 10/4/2024 [↑](#footnote-ref-10)
11. Số 821/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 [↑](#footnote-ref-11)
12. Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 08/5/2024 [↑](#footnote-ref-12)
13. Số 355/KH-UBND ngày 05/4/2024 [↑](#footnote-ref-13)
14. Mô hình 3: Xây dựng tối thiểu 20 dịch vụ công không sử dụng hồ sơ giấy; Mô hình 4: Lưu trữ, chứng thực các giấy tờ tài liệu điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp tham gia môi trường số; Mô hình 26: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) [↑](#footnote-ref-14)
15. Kế hoạch số 1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 [↑](#footnote-ref-15)
16. Số 337/KH-UBND ngày 02/4/2024 [↑](#footnote-ref-16)
17. Kế hoạch số 1217/KH-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-17)
18. Số 1027/STTTT-KHTC ngày 25/8/2022 [↑](#footnote-ref-18)
19. Số 103/STTTT-KHTC ngày 31/01/2024 [↑](#footnote-ref-19)
20. Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia đến ngày 25/6/2024 [↑](#footnote-ref-20)
21. (1) Sở Thông tin và Truyền thông; (2) Văn phòng UBND tỉnh; (3) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; (4) Sở Công thương; (5) Sở Giao thông vận tải; (6) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (7) Sở Khoa học và Công nghệ; (8) Sở Ngoại vụ; (9) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (10) Sở Tài chính; (11) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (12) Sở Xây dựng; (13) Thanh tra tỉnh. [↑](#footnote-ref-21)
22. (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (6) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (7) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (8) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (9) Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường) (VBDLIS); (12) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ; (13) Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách xã hội trực tuyến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-22)
23. (1) Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an), (2) Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam), (3) Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng, (4) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông), (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp), (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính), (7) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); (8) Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải) [↑](#footnote-ref-23)
24. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cuộc Cách công nghiệp lần thứ 4; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 Thủ tướng ban hành phê duyệt “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Ngày Chuyển đối số quốc gia; … [↑](#footnote-ref-24)
25. Nguồn: https://mic.gov.vn/pho-cap-ha-tang-so-sang-tao-ung-dung-so-de-phat-trien-kinh-te-so-dong-luc-moi-cho-tang-truong-kinh-te-va-nang-suat-lao-dong-197240103161915748.htm [↑](#footnote-ref-25)
26. (1) Viễn thông An Giang, (2) Viettel An Giang, (3) MobiFone An Giang, (4) Viễn thông FPT An Giang, (5) Truyền hình cáp SCTV, (6) Truyền hình cáp VTV, (7) Vietnamobile, (8) Gtel Mobile, (9) Viễn thông quốc tế HTC-ITC, (10) iTel (Đông dương Telecom, mạng ảo), (11) Local (ASIM Telecom, mạng ảo), (12) Wintel (Mobicast, mạng ảo). [↑](#footnote-ref-26)
27. Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia đến ngày 25/6/2024 [↑](#footnote-ref-27)
28. Kế hoạch 505/KH-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh và Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ) [↑](#footnote-ref-28)
29. Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-29)
30. Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, phần mềm đăng ký, quản lý Hộ tịch trực tuyến: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử); Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cở sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về giá); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác CSDL hộ gia đình tham gia BHXH); Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Hệ thống hỗ trợ thanh toán DVCTT toàn quốc (PayGov); Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung,); Bộ Công an (CSDL quốc gia về dân cư), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến), Bộ Nội vụ (CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức). [↑](#footnote-ref-30)
31. (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (2) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (3) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (4) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (5) Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường) (VBDLIS); (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ; (7) Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách xã hội trực tuyến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-31)
32. (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (2) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (3) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (4) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (5) Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường) (VBDLIS); (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ; (7) Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách xã hội trực tuyến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-32)
33. (1) Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an), (2) Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam), (3) Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng, (4) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông), (5) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp), (6) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính), (7) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); (8) Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải). [↑](#footnote-ref-33)
34. Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải), (2) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam. [↑](#footnote-ref-34)